CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI

2017

THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên: VÕ THANH SANG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08 – 01 – 2000
- Nghề nghiệp: Học sinh
- Dân tộc: Kinh
- Đơn vị học tập: Lớp 12A7 trường THPT Nhơn Trạch
- Nơi thường trú: Ấp 1 xã Phước Khánh- Nhơn Trạch- Đồng Nai
- Email: Sang91752@gmail.com

(Ảnh: Đồng Nai)

LỜI MỞ ĐẦU

Xưa yêu Quê Hương vì có chim, có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn roi
Nay yêu Quê Hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi.
(Giang Nam)

Từ thuở còn thơ bé, chúng ta chẳng biết suy nghĩ nhiều, chúng ta chỉ thích vui chơi, khám phá ra những thứ mới mẽ xung quanh thế giới, những bài học cũng như những cuộc hành trình mới cùng với sự hồn nhiên ngây thơ của một đứa trẽ. Ấy vậy mà, dòng thời gian cứ lửng lờ trôi qua nhanh như một cái chớp mắt, giờ đây chúng ta đã trở thành những tầng lớp, thế hệ thanh niên của xã hội hiện đại, phát triển hướng tới một nền công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.

Đất nước Việt Nam từ ngàn năm đau thương chiến tranh thoát khỏi gồng xích, ngàn năm khói boom lửa đạn... Song cũng đầy mất mác, đau thương. Nhưng trong

cái buồn chất chứa những niềm đau, sự xót xa ấy vẫn thấy ánh lên thành những niềm tin, hy vọng, sự sống và lòng quyết tâm tiêu diệt kẻ thù của toàn dân tộc. Trong những trận lịch sử hào hùng đó, chúng ta không thể không nói đến Đồng Nai – một trong 63 tỉnh thành của đất nước Việt Nam, là một tỉnh lớn của miền Đông Nam Bộ. Nơi đây chứa đựng biết bao con người, những dòng chảy, những xương máu của các bậc thế hệ cha ông ta kiên trung bất khuất đấu tranh để bảo vệ mảnh đất địa linh nhân kiệt tồn tại hơn 300 năm lịch sử để rồi khi ấy, nó đã đi vào địa danh của trang lịch sử vẽ vang, hào hùng của đất nước và cất lên khúc hát triều mến mà sâu lắng:

Đồng Nai quê tôi, miền đông đất đỏ
Cây trái bốn mùa, xanh ngát nên thơ
Đồng Nai quê tôi yêu hai mùa mưa nắng
Bưởi thanh Biên Hòa và ngọt ngào Long Khánh mít thơm.

Đồng Nai quê tôi, tình yêu vĩnh cửu
Tân Phú, Long Thành, Định Quán thân thương
Đồng Nai sông quê, bên La Ngà reo hát
Nước xuôi về hồ thành dòng điện rực sáng Trị An.
Đồng Nai quê tôi, miền đông thân thương.
Đồng Nai đẹp lắm!
Đồng Nai quê tôi
Miền đông thân thương!
Đồng Nai muôn đời dấu yêu.
(Ca Sĩ Đông Đào)

Tôi rất tự hào về quê hương tôi, nơi tôi chôn nhao cắt rốn, nơi chứa đựng biết bao kĩ niệm từ thời ấu thơ. Phải! Nó chính là nhà của tôi! Từng bông hoa, cánh bướm, hay chỉ đơn giản là một nắm đất. Tất cả đã tôi luyện tôi trên bước hành trình đi vào đời và tôi tin rằng mỗi một con người ở vùng đất này đều yêu quý và tự hào về nó, giữ gìn và phát huy truyền thống quý báu của cha ông, như lời Bác Hồ từng nói:

" Ông cha ta đã có công dựng nước
Bác cháu ta phải ra sức giữ lấy nước"

(Chủ Tịch Hồ Chí Minh)

Thế hệ học sinh chúng em phải cố gắng ra sức học tập để không thấy hỗ thẹn với đất nước và phát triển nó nâng lên tầm cao mới trong xã hội công bằng – dân chủ - văn minh hiện nay.

" Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam".

(Chủ Tịch Hồ Chí Minh)

Tham gia vào hội thi này, tôi cảm thấy thêm yêu vùng đất Đồng Nai, càng khâm phục hơn nữa là những trận chiến lịch sử của các bậc cha ông đi trước đã hy sinh thân mình làm cho mảnh đất quê hương có được như ngày hôm nay. Đó chính là nền tảng cho thế hệ trẻ chúng tôi sau này càng phải bảo vệ mảnh đất Đồng Nai, góp phần làm cho Đồng Nai tiến đến Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước và ngày càng thêm phát triển theo hướng tích cực.

PHẦN I

TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI

Câu 1: Bạn hãy cho biết thông tin về nhân vật đã thiết lập nền hành chính trên vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai? Hãy trình bày hiểu biết của bạn về địa giới hành chính vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ 1698 đến nay?

Trả lời:

Lắng nghe cùng dòng chảy thời gian trôi về lịch sử của đất nước nói chung, của Nam Bộ nói riêng, văn hóa của Đồng Nai nắm giữ một vị trí rất quan trọng, bởi đây là vùng đất được xem là địa đầu trong quá trình khai khẩn Nam Bộ và nhân vật lịch sử đã có công khai phá vùng đất này chính là Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh – Một vị tướng quốc tài ba, một bậc công thần xuất sắc dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, một nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tới lịch sử Việt Nam thế kỉ XVIII.

Về Đồng Nai nghe câu chuyện Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược vùng đất Nam Bộ, ghé thăm Di tích Đền thờ và Mộ Nguyễn Hữu Cảnh tọa lạc tại ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Ta mới biết được đây là vùng đất gắn liền với tên tuổi của vị Khai quốc công thần Nguyễn Hữu Cảnh cùng với sự hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Tìm lại cội nguồn lịch sử nước nhà, chẳng phải đến đời Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh mới bắt đầu mở cõi. Trước ông và nối tiếp sau ông cũng có nhiều người tài giỏi, để giang sơn gấm vóc chúng ta mới được " to lớn hơn, đàng hoàng hơn" như ngày nay. Nhưng, suốt cuộc trường chinh đi mở nước ấy, việc mở cõi phương Nam của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh là một kỳ công – một kỳ tích đầy huyền thoại. Và, chính những kỳ tích và kỳ công đó, mà Ông được muôn đời ghi công và nhớ ơn.

- **Thông tin về Nguyễn Hữu Cảnh – vị tướng đã thiết lập nền hành chính trên vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai:**

Nhập tên Nguyễn Hữu Cảnh vào ô tìm kiếm google, ngay lập tức chỉ trong 0,51 giây đã xuất hiện đến 868,000 kết quả. Nói đến vị tướng tài ba này, ta nghĩ ngay đến hai câu thơ:

" Làm trai cho đáng nên trai

Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng".

(Danh tướng Nguyễn Hữu Cảnh)

I. VÀI NÉT VỀ THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA NGUYỄN HỮU CẢNH:

1. Tên gọi:

Nguyễn Hữu Cảnh còn được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau như Nguyễn Hữu Lễ, Nguyễn Hữu Thành, Lễ Công, Lễ Thành Hầu, Lễ Tài Hầu, Thượng Đăng Lễ, Chưởng Binh Lễ. Kính, Lễ, Thành là các tên húy của ông. Trong các tên húy này, húy Kính (sau đọc trại âm là Cảnh) được biết và dùng nhiều nhất, huý Lễ được dùng khi triều đình phong cho ông tước Lễ Thành hầu và trong dân gian khi đặt các tên sông hoặc đường mang tên ông, húy Thành có thể được dùng giới hạn trong dòng họ, gia phả.

Do lòng kính mộ công lao của ông, dân gian đọc trại húy Kính thành các âm Kiếng, Kiến, Kỉnh, Cảnh. Thời Nguyễn, vì kỵ húy Hoàng tử Cảnh, nên âm Cảnh đọc trại thành Kiểng. Nhưng cách đọc trại này đã phai mờ và ngày nay, tên gọi Nguyễn Hữu Cảnh đã trở nên thông dụng và rất ít người gọi hoặc dùng đúng tên là **KÍNH** dù một số dịch giả, sử gia vẫn dùng.

2. Gia thế và khởi nghiệp:

Ông sinh năm 1650 tại vùng đất nay là thôn Phước Long, xã Chương Tín, huyện Phong Lộc (nay là xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình), là con thứ ba của danh tướng Nguyễn Hữu Dật. Mẹ ông là bà Nguyễn Thị Thiện.

Nguyễn Hữu Cảnh là cháu 9 đời của Nguyễn Trãi. Ông nội của ông là Nguyễn Triều Văn (dòng Nguyễn Hữu, tước Triều Văn hầu, phò triều Lê và Nguyễn sơ), trước ở làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau theo chúa Tiên (Nguyễn Hoàng) di cư vào đất Thuận Hóa.

Cha ông, Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật, sinh nhiều con trai, trong đó có bốn người là tướng giỏi, kể theo thứ tự: Nguyễn Hữu Hào (tước Hào Lương hầu, tác giả truyện nôm *Song tinh bất dạ*), Nguyễn Hữu Trung (tước Trung Thắng hầu), Nguyễn Hữu Cảnh (tước Lễ Thành hầu) và Nguyễn Hữu Tín (tước Tín Đức hầu).

Dòng dõi con nhà tướng, lớn lên trong thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh, lại chuyên tâm luyện tập võ nghệ. Bởi vậy, tuy còn trẻ, nhưng ông đã lập được nhiều chiến công và đã được chúa Nguyễn Phúc Tần phong chức Cai cơ (một chức võ quan thuộc bậc cao) vào lúc tuổi độ hai mươi, được người đương thời gọi tôn là "*Hắc Hổ*" (vì ông sinh năm Dần và vì có nước da ngăm đen, vóc dáng hùng dũng).

3. Quan lộ:

Lúc mới ngoài 20 tuổi, ông đã được phong chức Cai cơ với những công trạng lập được trong chiến trường Trịnh-Nguyễn.

Trước năm Nhâm Thân 1692, ông đã được phong tước là Lễ Tài Hầu (với chữ Tài có chỗ viết là Thành hoặc Hòa).

Năm Nhâm Thân 1692, ông được phong làm Thống binh cầm quân dẹp loạn Chiêm Thành, bình định biên cương.

Năm Giáp Tuất 1694, ông được thăng làm Chưởng cơ, lãnh chức Trấn thủ dinh Bình Khang.

Năm Canh Thìn 1700, ông bị bệnh mà mất, hưởng dương 51 tuổi. Khi mất, ông được triều đình phong tặng mỹ hiệu Hiệp tán công thần đặc tấn Chưởng dinh, thụy Trung Cần.

Năm Minh Mạng 12 (Nhâm Thìn 1832), ông được truy phong thêm tước Vĩnh An Hầu.

4. Diễn biến:

Ông đã lập công trạng lớn đầu tiên khi chúa Nguyễn Phúc Chu vào năm 1692 phái ông làm Thống binh cùng với tham mưu Nguyễn Đình Quang đem quân

đánh vua Chiêm là Kế Bà Tranh, bình định biên cương. Sau đó Ông được Chúa Nguyễn thăng chức Chưởng cơ và cho làm Trấn thủ dinh Bình Khương. Ông chính là người có công kinh lược sứ Đồng Nai – Gia Định vào năm 1689.

Mùa thu năm Kỷ Mão (1699) vua nước Chân Lạp là Nặc Thu làm phản, Chúa Nguyễn hạ lệnh cử Trấn thủ Bình Khương Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm chức Thống binh cùng phó tướng Phạm Cẩm Long, Tham tướng Nguyễn Hữu Khánh đem quân sĩ từ Dinh Bình Khương, cho đóng 7 thuyền chiến thuộc binh của Quảng Nam vào Trấn Biên, hợp cùng tướng Trần Thượng Xuyên lo việc trấn vệ biên cương. Mùa xuân năm Canh Thìn (1700) đánh bức luỹ Nam Vang và Bích Đôi. Nặc Yêm, Nặc Thu phải xin hàng. Nguyễn Hữu Cảnh kéo quân về cù lao Cây Sao. Sau đó Ông bị đánh lén dẫn đến trọng thương, về tới Rạch Gầm thì mất[2], năm ấy 51 tuổi. Chúa Nguyễn phong tặng là Hiệp Tán Công Thần Đặc Tiến Chưởng Dinh, thuỵ là Trung Cần, ban cho vàng lụa để hậu táng. Năm Gia Long thứ 4 (1805) tặng là Tuyển Lực Công Thần Đặc Tiến Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, Cẩm y vệ Đô Chỉ Huy Sứ Ty Đô Chỉ Huy Sứ, Đô Đốc Phủ Chưởng Phủ Sư Phó Tướng Chưởng Cơ, liệt vào hàng Thượng Đẳng Thần, Minh Mạng thứ 12 (1831) tặng Thần Cơ Dinh Đô Thống Chế, Vĩnh An Hầu. Các Triều đại đều có Sắc phong Thượng Đẳng Thần: Gia Long thứ 4 (1805), Minh Mạng thứ 3 (1822), Thiệu Trị năm thứ 3 (1843), Tự Đức năm thứ 5 (1852).

Hiện nay lăng mộ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh nằm trên một ngọn đồi rộng của dãy núi An Mã, thuộc xã Trường Thuỷ, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình.

II. CÔNG CUỘC KINH LƯỢC ĐẤT BIÊN HÒA-ĐỒNG NAI:

1. Đất Đồng Nai trước khi lưu dân Việt vào khai phá

Đồng Nai là một tỉnh miền Đông Nam bộ, có lịch sử lâu đời. Trong lòng đất Đồng Nai bảo tồn nhiều dấu vết của cuộc sống con người nguyên thuỷ. Nhờ vào những phát hiện khảo cổ học từ trước đến nay của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Đồng Nai nói riêng, lưu vực sông Đồng Nai nói chung được biết đến với tư cách một vùng đất từng chứng kiến sự hình thành, phát triển của những cộng đồng người cổ.

Qua hàng loạt các địa điểm trên vùng đất Đồng Nai như : Dầu Giây, An Lộc, Hàng Gòn, Cam Tiêm, Bình Lộc, Núi Đất, Phú Quý… đã phát hiện những công cụ lao động của người cổ. Đó là những hiện vật thời đồ đá cũ, thời đại lịch sử đầu tiên và chiếm khoảng thời gian dài nhất trong xã hội loài người.

Khoảng cách đây 2500 năm, cư dân Đồng Nai đã bắt đầu bước vào thời đại kim khí. Nền văn hoá thời đồ sắt ở Đồng Nai kết gắn hai giai đoạn phát triển đồng – thau và sắt sớm. Từ trong văn hoá đồng đã manh nha văn hoá sắt sớm với hàng loạt di chỉ tiêu biểu được phát hiện: Dốc Chùa, Bình Đa, Cái Vạn, Suối Chồn, Hàng Gòn, Long Giao… Cư dân cổ Đồng Nai phát triển cao về chất lượng, số lượng, xã

hội được đẩy lên ở những bước cao, đầy đủ những yếu tố chuyển tiếp cho giai đoạn phát triển mới. Hình thành các tộc người, cơ sở cho việc phát triển các quốc gia sơ khai trên vùng đất Đồng Nai đầu công nguyên. Đó chính là vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỷ II trước công nguyên.

Vào đầu thế kỷ VII, nhân lúc Phù Nam suy yếu, Sử ký của nhà Tùy chép rằng nước Chân Lạp ở về phía tây nam Lâm ấp, nguyên là một chư hầu của Phù Nam. Vua nước ấy là Ksatriya Citrasena đã đánh chiếm và tiêu diệt Phù Nam[4]. Lãnh thổ Phù Nam về tay Chân Lạp do kết quả của những cuộc chiến tranh. Vùng đất Nam Bộ nói riêng và Đồng Nai nói chung chuyển sang sự quản lí của chính quyền Chân Lạp.

Theo sử cũ còn để lại, trên vùng đất rộng lớn, mênh mông này, khi Chân Lạp quản lí ở đây thì có các dân tộc Stiêng, Mạ, Kơ ho, M'nông, Chơro sinh sống. Trong đó đông nhất là người Stiêng và người Mạ, đã sinh sống trên địa bàn này từ rất lâu đời. Dân số ít, sống thưa thớt, kỹ thuật sản xuất thô sơ và trình độ xã hội còn thấp. Ngoài các tộc người trên, còn có một vài sóc người Khơ me nằm trên mấy giồng đất cao. Đây là dân nhập cư từ Lục Chân Lạp sang vì lý do chính trị (tránh loạn) hơn là vì lý do kinh tế. Sau khi Chân Lạp chiếm được Phù Nam, vùng đất Nam Bộ ngày nay được gọi là Thuỷ Chân Lạp. Việc cai quản vùng lãnh thổ mới đối với Chân Lạp hết sức khó khăn. Trước hết đây là một vùng đồng bằng mới bồi lấp còn ngập nước và sình lầy, người Khmer với dân số ít ỏi chưa thể tổ chức khai thác trên quy mô lớn. Hơn nữa, việc khai khẩn đất đai trên lãnh thổ của Lục Châu Lạp cũng còn đang đòi hỏi rất nhiều thời gian và sức lực. Vào nửa sau thế kỉ thứ VIII quân đội Srivijaya của người Java đã liên tục tiến công vào các quốc gia trên bán đảo Đông Dương. Kết cục là Thuỷ Chân Lạp bị quân Java chiếm. Cả vương quốc Chân Lạp gần như bị lệ thuộc vào Srivijaya. Cục diện này mãi đến đầu thế kỷ IX mới kết thúc.

Sau đó người Khmer lúc này muốn dồn sức phát triển các vùng trung tâm truyền thống của họ ở khu vực Biển Hồ, trung lưu sông Mê Kông và hướng nỗ lực bành trướng sang phía tây, vùng lưu vực sông Chao Phaya. Trong khoảng thời gian từ thế kỷ IX đến cuối thế kỷ XI, Chân Lạp trở thành một quốc gia cường thịnh, tạo dựng nên nền văn minh Angkor rực rỡ, đồng thời mở rộng lãnh thổ lên tận Nam Lào và trùm lên cả lưu vực sông Chao Phaya. Trong khi đó qua các di tích khảo cổ học, dấu tích của văn hoá Khmer và văn minh Angkor ở vùng Đồng Nai – Gia Định hết sức mờ nhạt[3].

Do chiến tranh và phải tập trung công sức phát triển các trung tâm ở vùng lục địa, sau mấy thế kỷ thuộc Chân Lạp, đến thế kỷ XIII theo như Chu Đạt Quan viết lại: *"vùng đất Nam Bộ vẫn còn là một vùng đất hoang vu với những bụi rậm của khu rừng thấp… tiếng chim hót và thú vật kêu vang dội khắp nơi… những cánh*

đồng bị bỏ hoang phế, không có một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê đầy dẫy, hàng trăm hàng ngàn con trâu rừng tụ họp thành từng bầy trong vùng này, tiếp đó là nhiều con đường dốc đầy tre chạy dài hàng trăm dặm…"[4].
Trên vùng đất Đồng Nai vào cuối thế kỷ XVI, về cơ bản, vẫn là một vùng đất hoang vu chưa được khai phá. Theo Lê Quý Đôn *"Ở phủ Gia Định , đất Đồng Nai, từ cửa biển Cần Giờ, Soài Rạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm"*[5].

Như vậy đến trước năm 1698, vùng đất miền Đông Nam bộ trong đó có Đồng Nai, trên danh nghĩa, thuộc Chân Lạp, nhưng "thuộc" một cách lỏng lẻo, là vùng "trái độn" giữa Chân Lạp và Đàng Trong. Các dân tộc vẫn sống tự trị và một số sóc Khơ me lẻ tẻ chưa hợp thành đơn vị hành chính thuộc triều đình La Bích (Chân Lạp). Dân Khmer tập trung khai thác các vùng đất màu mỡ quanh Biển Hồ, chưa có nhu cầu và nhân lực để khai hoang vùng trũng thấp Thủy Chân Lạp. Vùng đất này cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII là vùng đất hoang vu, đất tự do của các dân tộc, là đất hoang cả về kinh tế lẫn chủ quyền.

2. Tình hình đất Đồng Nai trước khi chúa Nguyễn kinh dinh

Vùng đất Đồng Nai hầu như hoang vắng vào cuối thế kỷ XVI thì vào đầu thế kỷ XVII trở nên sôi động với sự xuất hiện của lớp cư dân mới mà chủ yếu là người Việt từ vùng Thuận Quảng di cư vào.
Những lưu dân Việt thuộc lớp tiên phong đi vào vùng đất mới Đồng Nai – Gia Định lập nghiệp làm thành nhiều đợt trước cả thời Trịnh – Nguyễn phân tranh nhưng dâng lên thành làn sóng mạnh mẽ hơn là vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII. Phần đông họ chọn phương thức tự động, đi lẻ tẻ, hoặc cả gia đình, hoặc những người khỏe mạnh đi trước tạo dựng cơ nghiệp rồi đón cả gia đình đến sau, hoặc một vài gia đình cùng cả xóm kết nhóm với nhau cùng đi. Phần lớn họ chọn thuyền buồm hay ghe bầu làm phương tiện di chuyển chính, bởi lúc bấy giờ di chuyển giữa các phủ miền Trung với Đồng Nai – Gia Định chủ yếu là đường biển, một số người phải trèo đèo lội suối đi đường bộ, đi dần từng chặng một, đến một địa phương ở lại một thời gian, thấy bám trụ được thì ở lại lập nghiệp, bằng không đi tiếp và lần hồi cũng tới vùng đất mới Đồng Nai.
Tiến trình nhập cư của lưu dân Việt vào vùng Đồng Nai – Gia Định từ lẻ tẻ rời rạc, dần dần có quy mô lớn hơn. Những lưu dân Việt từ việc lập những làng xóm nhỏ trên vùng đất Đồng Nai đã thôi thúc các chúa Nguyễn đặt những bước tiến lớn hơn trên vùng đất này.
Thành quả của việc khai hoang và sản xuất của lưu dân người Việt cùng với các dân tộc bản địa trong thế kỷ XVII đã làm biến đổi bước đầu bộ mặt kinh tế Đồng Nai. Nơi đây từng là rừng núi hoang vu nay đã trở thành những cánh đồng lúa, vườn cây tươi tốt. Xóm làng hình thành ven sông là một đặc điểm nổi bật của cư

dân Đồng Nai. Về sau khi giao thông phát triển thuận lợi thì xóm làng mới phát triển theo chiều ngang, chính vì vậy, việc vận chuyển buôn bán ra các phủ ở xứ Đàng Trong là điều tất yếu.

Công việc khẩn hoang đã làm thay đổi bộ mặt xã hội. Sự phân chia giai cấp ngày một diễn ra sâu rộng, tầng lớp địa chủ chiếm hữu ruộng đất dần dần được hình thành và số nông dân nghèo phải làm thuê, cuốc mướn hay làm tá điền ngày càng đông. Sự phân hoá xã hội ngày càng tăng, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ ngày một sâu sắc hơn.

Nhưng dẫu sao, những thành tựu đã đạt được về mặt khẩn hoang và khai thác nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong giai đoạn đầu đã đặt nền móng vững chắc cho công cuộc khẩn hoang và phát triển kinh tế vùng đất Đồng Nai – Gia Định trong các thời kỳ tiếp sau.

3. Chúa Nguyễn Thiết lập bộ máy chính quyền ở Đồng Nai

Trên cơ sở của một lực lượng di dân, khai khẩn vùng đất phương Nam từ trước nên chúa Nguyễn Phúc Chu đã cử Nguyễn Hữu Cảnh – một tướng tài giỏi kinh lược phía Nam vào mùa xuân năm Mậu Dần (1698).

Chuyến kinh lược này, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đã thực thi một việc vô cùng quan trọng; đó là thiết lập một hệ thống tổ chức bộ máy hành chính ở vùng đất mới. Cụ thể là : Ông *"lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên , lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bộ và Ký lục để quản trị, nha thuộc có hai ty xá – lại để làm việc; quân binh thì có cơ, đội, thuyền, thuỷ bộ binh và thuộc binh để hộ vệ"*.

Đất đai lúc Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược (kể toàn phủ Gia Định) mở rộng 1000 dặm, dân số hơn 4 vạn hộ, trung bình một hộ 5 người thì ở toàn phủ Gia Định lúc này có đến 200.000 người. Ông chiêu mộ lưu dân từ Bố Chánh (Quảng Bình) đưa vào Nam cho ở đông đúc, thành lập xã, thôn, phường, ấp, chia đặt địa giới, khai khẩn ruộng đất, định lệ thuế, tô và dung, đồng thời lập sổ đinh, sổ điền.

Với việc xác lập chủ quyền bằng cách thiết trí hệ thống hành chính các cấp (phủ, huyện, phường, xã, thôn, ấp), lưu dân người Việt từ chỗ là kiều dân đã cùng với các tộc người khác trở thành thần dân của chúa Nguyễn.

Ở Đồng Nai (tức huyện Phước Long), đơn vị hành chính cơ sở là xã, phường, thôn, ấp, tượng. Vào thế kỷ XVIII, làng xã Đồng Nai vẫn được đặt dưới quyền quản lý của viên Xã trưởng. Xã trưởng được gọi bằng danh từ chính thức là Tướng thần Xã trưởng, trong khi bình dân gọi là Cai Xã từng được Thích Đại Sán nhắc đến trong Hải Ngoại ký sự của ông. Xã trưởng cùng với các kỳ mục, tức hương chức hay viên chức làng, họp thành Hội đồng làng xã, hay Hội đồng Kỳ mục. Chức vụ Xã trưởng thường được xếp tòng cửu phẩm. Các Xã trưởng có các phận sự:

– Duy trì an ninh trong làng xã; Quản trị tài sản làng xã; Bảo lưu và thiết lập sổ địa bạ và sổ đinh; Phụ tá các quan trên trong các công vụ….
Trong Hội đồng Kỳ mục Đồng Nai, người ta thấy có những thành phần như sau: chức sắc gồm những người có chức quan, đương quan cũng như cựu quan cư ngụ trong làng; chưa có mấy người có khoa mục, lão nhiêu, kỳ mục, đa số là những người có tiền của đóng góp trong công việc xây dựng làng xã.
Trong sử liệu hành chánh ở cấp làng xã, Lê Quý Đôn cho chúng ta nhiều chi tiết về các chức vụ đã có ở Thuận Quảng ít ra trong thế kỷ XVIII: Cai thuộc và Ký thuộc trông coi các thuộc; Cai xã, Tướng thần, Xã trưởng trông coi các xã. Những chi tiết về bổng lộc cho các chức vụ này cho thấy hầu như không có những sự phân biệt về quyền hạn khác nhau của mỗi chức vụ trên.
Những loại đơn vị ở phủ Gia Định, Đồng Nai như thuộc, trại, bãi, nguồn, cửa, nậu,… không giống như những đơn vị có tổ chức tương đối hoàn chỉnh và ổn định ở Thuận Quảng. Sự kiện này cho thấy cơ cấu tổ chức làng xã trong thế kỷ XVIII ở phủ Gia Định chưa đi vào nề nếp; nếu chưa có những đơn vị hành chính cơ sở được định danh chắc chắn, thì cũng chưa thể có một cơ cấu quyền binh với các chức vụ có trách nhiệm và quyền hạn rõ rệt cho từng đơn vị tạm thời này. Tuy tạm thời cũng đã có một cơ chế quyền lực cơ sở vận hành ở các vùng định cư thuộc Đồng Nai. Với những tư liệu hạn chế ta cũng có thể hình dung guồng máy quyền lực nông thôn ở Đồng Nai có một số đặc điểm.

Tư liệu của Lê Quý Đôn cho chúng ta biết nhiều đến các chi tiết thuế má, quân sự ở đất Đồng Nai – Gia Định hơn là về làng xã, dân đinh: đấy là những chỉ dẫn khá chắc chắn cho thấy Đồng Nai ở thế kỷ XVIII chủ yếu vẫn là một phần đất nặng về khai thác tài nguyên trước mắt mà chưa có tổ chức quản lý làng xã vững vàng.

Sự hình thành cơ cấu xã hội nông thôn ở Đồng Nai đã diễn ra theo một quá trình thật phức tạp. Từ trước thế kỷ XVII và sau đó, xã hội nông thôn Đồng Nai đã có và còn có những thành phần dân cư bản địa, tuy ít ỏi và phân tán. Những nhóm dân tộc ít người mà gọi là Đê man có mặt đó đây ở miền Đông, sinh sống khá tập trung ở vùng bậc thềm cuối cùng của vùng Cao nguyên Nam Trung bộ, tức khu vực Di Linh – Lâm Đồng.

Xã hội nông thôn Đồng Nai còn có nhóm lưu dân người Hoa là một bộ phận di dân khá quan trọng sau người Việt. Họ sinh tụ trước hết trong các khu định cư ở vùng Bến Gỗ, Cù Lao Phố. Họ có cả một cơ cấu xã hội riêng biệt trong các làng xã của họ bắt nguồn từ truyền thống cộng đồng dân tộc người Trung Hoa ở các tỉnh phía Nam Trung Quốc.

Ở thời kỳ thành lập, cơ cấu xã hội được kiến tạo một cách tự phát do nhiều thành phần đến từ phía Bắc, cụ thể là ở Thuận Quảng, Phú Yên,… nói sự hình

thành có tính cách ngẫu nhiên, vì các lưu dân đã chuyển cư vào Đồng Nai do sự thúc bách của nhiều động lực khác nhau, nhưng khi đến đất mới Đồng Nai, họ trở thành những cộng đồng làng xã mới. Cấu trúc xã hội khởi đầu này lại còn được quy định do từng phương thức lập làng của từng cộng đồng lưu dân, đặt ra các tiêu chuẩn để tuyển mộ từng thành phần xã hội khác nhau.

Khi Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược đất Đồng Nai ngoài việc thiết lập hệ thống quản lý hành chánh đặt ra phường ấp xã thôn chia cắt địa phận, *"lập bộ đinh bộ điền"*, ông còn cho *"chiêu mộ những người dân có vật lực từ các xứ Quảng Nam, phủ Điện Bàn, Phủ Quảng Nghĩa và phủ Quy Nhơn thiên cư vào đất Đồng Nai thuộc phủ Gia Định"*. Chính những người dân có vật lực này, tức là những người giàu có, đã mang đến một sinh khí mới cho công cuộc khai khẩn đất đai ở đây, vì chỉ có họ mới có điều kiện tài chính để thuê mướn người làm (điền nô) tổ chức việc khai hoang với quy mô lớn. Những người di cư mới ra sức chặt phá cây cối, cắt cỏ rậm và mở mang đất đai thành những vùng đất bằng phẳng, thổ địa phù nhiêu.

III. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT VỀ CÔNG LAO CỦA NGUYỄN HỮU CẢNH:

Chuyến kinh lược này, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đã thực thi một việc vô cùng quan trọng: Đó là thiết lập một hệ thống tổ chức bộ máy hành chính ở vùng đất mới. Ông lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long dựng dinh Trấn Biên, lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đặt chức Lưu thủ, Cai bộ và Ký lục để quản trị, nha thuộc có hai ty xá – lại để làm việc; quân binh thì có cơ, đội, thuyền, thuỷ bộ binh và thuộc binh để hộ vệ.

Việc làm của Nguyễn Hữu Cảnh có tác động lớn đến vùng đất mới. Vùng đất rộng, người thưa, dân cư gồm những người tha phương cầu thực đã chung sống trở thành cộng đồng. Về mặt pháp lý, với bộ máy hành chính cụ thể, người dân chịu sự cai quản của nhà nước, sống theo trật tự xã hội và có điều kiện phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, Nguyễn Hữu Cảnh thực thi chính sách dân tộc độc đáo khai thác tiềm năng của cộng đồng người Hoa và ổn định về xã hội cho họ yên tâm cùng với lưu dân Việt phát triển vùng đất Đồng Nai bằng cách lập đơn vị hành chánh riêng. Cụ thể là lập xã Thanh Hà ở Trấn Biên (Biên Hoà), Minh Hương (Sài Gòn) ở Phiên Trấn.

Trên cơ sở khẳng định vùng lãnh thổ, chúa Nguyễn bắt đầu thực hiện những chính sách khẩn hoang và phát triển kinh tế trên đất Nam Bộ nói chung và Đồng Nai nói riêng. Qua cuộc kinh lược của Nguyễn Hữu Cảnh vào năm 1698 đã biến vùng đất Đồng Nai – Gia Định thực sự thuộc chủ quyền và đặt dưới sự quản lý của chúa Nguyễn. Nó đẩy nhanh quá trình khai khẩn đất hoang và phát triển kinh tế ở

vùng đất này. Những việc làm này đã đặt nền tảng xã hội cơ bản. Từ đây Đồng Nai – Gia Định trở thành lãnh thổ chính thức của nước Việt Nam.

IV. TƯỞNG NHỚ VỀ VỊ TƯỚNG TÀI BA NGUYỄN HỮU CẢNH:

Nguyễn Hữu Cảnh mất được truy tặng Đặc Tấn Chưởng Dinh Tráng Hoàn hầu, thụy là *Trung Cần* (gia phả ghi tước và thụy được truy tặng lần sau cùng là Vĩnh An hầu, thụy *Cương Trực*).

Để tưởng nhớ công đức của Chưởng cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, nơi quê hương cũng như nơi ông đến an dân, nhân dân đều lập đền thờ hoặc lập bài vị ông, như ở Nam Vang (Campuchia), Quảng Bình, Quảng Nam, Cù lao Phố (Biên Hòa), Đình Minh Hương Gia Thạnh, quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Ô Môn(Cần Thơ)... Tỉnh An Giang là một trong những địa phương có nhiều đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh nhất. Trong số này, có Lễ Công Từ Đường ở phường Châu Phú A (Châu Đốc, An Giang), do Thoại Ngọc Hầu đứng ra xây dựng. Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì *"Đền Lễ công: ở thôn Châu Phú, huyện Tây Xuyên, thờ Nguyễn Hữu Kỉnh. Đền do Nguyễn Văn Thụy (tức Thoại Ngọc Hầu) dựng khi làm Trấn thủ, nay hương lửa vẫn như cũ, thường tỏ anh linh."*.

Ngoài ra, họ tên và chức tước của ông còn được dùng để đặt tên cho trường học, đường phố tại nhiều địa phương...Vừa qua, nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tôn tạo khu lăng mộ của ông tại Thác Ro thuộc huyện Lệ Thủy. Năm 2009, sách *Kỷ lục An Giang 2009*, cũng đã công nhận ông là "người đầu tiên có công khai mở vùng đất An Giang"

Văn thơ ca ngợi, truyền tụng công đức Nguyễn Hữu Cảnh còn lưu giữ khá nhiều, trích một đoạn:

Từ ngày vâng lệnh Trấn Bình Khương,
Bờ cõi mở thêm mấy dặm trường,
Vun bón cột nền nơi tổ phụ
Dãi dầu tên đạn giúp quân vương
Giặc ngoài vừa nép bên màn hổ
Sao tướng liền sa giữa giọt tương!
(Bài thơ đặt nơi sắc phong tại đền Lễ Công ở Châu Phú)

(Đình thần Bình Thủy thờ vọng Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh)

(Đình Châu Phú thờ Nguyễn Hữu Cảnh)

(Lăng mộ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại Lệ Thủy,Quãng Bình)

- **Địa giới hành chính vùng đất Biên Hòa-Đồng Nai từ năm 1698 đến khi hình thành tỉnh Đồng Nai hiện nay:**

I. SỰ THAY ĐỔI ĐƠN VỊ HÀNH CHÁNH TỪ NĂM 1698 ĐẾN NĂM 1861.

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) vào kinh lý vùng đất hoang hóa phương Nam. Ông đặt miền đất mới - nay
là Nam bộ, thành phủ Gia Định gồm hai huyện:
- Huyện Tân Bình ở phía tây sông Sài Gòn gồm tỉnh Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh,Tiền Giang, Long An... ngày nay. Huyện Tân Bình đặt dinh Phiên Trấn.
- Huyện Phước Long ở phía đông sông Sài Gòn, gồm các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và một phần tỉnh Bình Thuận, các quận 2, 9, Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh bây giờ. Huyện Phước Long đặt dinh Trấn Biên.

Giữa thế kỷ XVIII, đất Gia Định (tức Nam bộ) chia làm ba dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ (dinh Long Hồ là vùng đất mở rộng ra, sau thành Vĩnh
Long). Vùng Hà Tiên xa xôi đặt làm trấn Hà Tiên (do một đô đốc cai quản). Năm 1788, chúa Nguyễn chia đất Gia Định làm bốn dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Vĩnh Trấn (dinh Long Hồ đổi tên), Trấn Định (cắt một phần đất dinh Long Hồ từ mạn Cần Thơ xuống Sóc Trăng) và trấn Hà Tiên có từ trước.
Vào thời các chúa Nguyễn (trước năm 1802), sự thay đổi địa lý hành chánh không xảy ra ở huyện Phước Long, chỉ có huyện Tân Bình do được mở rộng nên chia thành nhiều dinh mới. Người ta chưa tìm thấy tài liệu có hệ thống nào đề cập
tới cấp tổng, thôn, xã ở huyện Phước Long.

Năm 1808, nhà Nguyễn đổi phủ Gia Định ra Gia Định thành, các dinh (nơi đóng quân) đổi ra trấn, đơn vị hành chánh có tính quân quản cấp tỉnh. Như vậy, dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa.
Huyện Phước Long thăng làm phủ Phước Long. Bốn tổng: Phước Chánh,

Bình An, Long Thành, Phước An (của huyện Phước Long cũ) nâng thành bốn huyện.

Năm Gia Long thứ 7 (1808) nâng huyện PHƯỚC LONG lên phủ, nâng 4 tổng lên huyện là huyện Phước Chánh (trước là tổng Tân Chánh), huyện Bình An,
huyện Long Thành và huyện Phước An. Triều Minh Mạng lập thêm phủ Phước Tuy, các huyện Phước Bình, huyện Ngãi An, huyện Long Khánh.

Năm 1832, trấn đổi thành tỉnh - đơn vị hành chánh có tính dân sự - trấn Biên Hòa đổi thành tỉnh Biên Hòa, gồm một phủ Phước Long và 4 huyện.
Năm 1837, tỉnh Biên Hòa đặt thêm phủ Phước Tuy (trên cơ sở huyện Phước An cũ) và thêm hai huyện: Long Khánh (cắt từ một phần huyện Phước An
cũ) và Ngãi An (tách từ huyện Bình An cũ ra). Như vậy, năm này, tỉnh Biên Hòa có hai phủ:
- Phủ Phước Long có các huyện: Phước Chánh, Bình An, Ngãi An.
- Phủ Phước Tuy có các huyện: Long Thành, Phước An, Long Khánh.
Năm 1838, phủ Phước Long có thêm huyện Phước Bình (cắt từ huyện Phước Chánh và Bình An).
Năm 1840, có 81 làng đồng bào dân tộc ít người quy thuộc đặt thành bốn phủ: Tân Bình, Tân Định, Tân Thuận, Tân Lợi (nay thuộc tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước).

Năm 1851, bỏ ba huyện: Phước Bình, Long Khánh và Ngãi An.
Vùng đất phương Nam hoang hóa, xa xôi, sau hơn một thế kỷ đã trở thành *vùng kinh tế phát triển sôi động,* dân số phát triển, nhiều làng xã mới ra đời đã sinh
ra các tổng mới, tổng nâng thành huyện, huyện nâng thành phủ. Dân đông, ruộng
nhiều, sản xuất ra nhiều thóc gạo và nông lâm sản khác. Để bảo đảm nguồn thu cho
nhà nước, năm 1836, triều đình quyết định lập địa bạ ở Nam kỳ, nắm chắc tỉnh Biên Hòa có 13.427 mẫu 1 sào 6 thước 5 tấc ruộng đất thực canh, hơn 686 mẫu
dân cư thổ... và cũng quản lý chặt chẽ hơn về hành chánh: biết rõ tỉnh gồm mấy

phủ, mấy huyện, bao nhiêu tổng, thôn, xã...

Sách "Gia Định thành thông chí" (1820) của Trịnh Hoài Đức là cuốn địa chí đầu tiên ghi tỉ mỉ các huyện, tổng, xã, thôn toàn Nam bộ. Sách giới thiệu khái

quát tỉnh Biên Hòa:

"Từ đông đến tây cách 542 dặm rưỡi, từ bắc đến nam cách 587 dặm rưỡi, phía đông giáp núi Thần Mẫu, lập trạm Thuận Biên, chạy dài ra phía bắc đều là sách động của sơn man, phía nam giáp trấn Phiên An, trên từ suối Băng Bột, qua

Đức giang đến Bình giang bẻ quanh về ngã ba Nhà Bè, thẳng xuống vùng biển Cần Giờ qua Vũng Tàu qua Thát sơn lấy một giải sông dài làm giới hạn. Phần đất

ở bờ phía bắc sông là địa giới trấn Biên Hòa, phía đông giáp biển, phía tây đến sơn man".

Tỉnh Biên Hòa gồm 1 phủ, 4 huyện, 8 tổng, 307 thôn, xã, phường.

- Huyện Phước Chánh *"Phía đông giáp bến đò Thị Nghĩa, chợ thôn Bình Dương, tổng Long Vĩnh, huyện Long Thành đến sát núi rừng, phía tây giáp man sách đầu nguồn; phía nam giáp huyện Bình An từ núi Chiêu Thái (Châu Thới) liền*

đến xứ Ba Đốc sông Thị Kiên; phía bắc giáp man sách rừng lớn.".

Huyện Phước Chánh có 2 tổng:

* Tổng Phước Vĩnh có 46 thôn.
* Tổng Chánh Mỹ có 36 thôn.

- Huyện Bình An *"Phía đông giáp tổng Thành Tuy, huyện Long Thành từ sông Thị Lộ nối đến giồng Ông Tố; phía tây giáp sách man trên nguồn Băng Bột;*

phía nam giáp Bình giang, trấn Phiên An; phía bắc giáp tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh từ núi Châu Thới đến xứ Ba Đốc sông Thị Kiên".

Huyện Bình An có 2 tổng:

* Tổng Bình Chánh có 50 xã, thôn.
* Tổng An Thủy có 69 xã, thôn, phường.

- Huyện Long Thành *"Phía đông giáp tổng An Phú, huyện Phước An từ núi Thị Vải (Nữ Ni) đến ngã Bảy; phía tây giáp núi Lương Ni, tổng An Thủy,*

huyện
Bình An; phía nam giáp sông lớn huyện Nhà Bè; phía bắc giáp xứ Ao Ca, tổng Phước Vĩnh, huyện Phước Chánh.
Huyện Long Thành có 2 tổng:
* Tổng Long Vĩnh có 34 thôn, phường.
* Tổng Thành Tuy có 29 thôn.
- Huyện Phước An *"Phía đông giáp biển; phía tây giáp núi Cam La và núi Thị Vải đến cửa sông ngã Bảy, phía nam giáp trấn Phiên An dọc theo phía bắc vùng biển Cần Giờ; phía bắc giáp man sách thủ sông Mục".*
Huyện Phước An có 2 tổng:
* Tổng An Phú có 21 thôn, xã.
* Tổng Phước Hưng có 22 xã, thôn, phường.
Địa bạ tỉnh Biên Hòa năm 1836 cho biết: tỉnh Biên Hòa có 1 phủ Phước Long, 4 huyện, 22 tổng, 285 thôn, xã.
Huyện Phước Chánh gồm 6 tổng:
* Tổng Chánh Mỹ Thượng có 12 thôn, xã.
* Tổng Chánh Mỹ Trung có 17 thôn, xã.
* Tổng Chánh Mỹ Hạ có 16 thôn, xã.
* Tổng Phước Vinh Thượng có 22 xã, thôn, phường.
* Tổng Phước Vinh Trung có 16 thôn, phường.
* Tổng Phước Vinh Hạ có 18 thôn, phường.
Huyện Bình An gồm 8 tổng:
* Tổng An Thủy Thượng. có 6 thôn.
* Tổng An Thủy Hạ có 8 thôn, xã.
* Tổng An Thủy Trung có 17 thôn.
* Tổng An Thủy Đông có 13 thôn, xã.
* Tổng Bình Chánh Thượng có 9 thôn, xã.
* Tổng Bình Chánh Trung có 12 ấp, thôn.
* Tổng Bình Chánh Hạ có 12 thôn, xã.
* Tổng Bình Chánh Tây có 22 ấp, thôn, xã.
Huyện Long Thành gồm 4 tổng:
* Tổng Long Vĩnh Thượng có 17 hộ, thôn.
* Tổng Long Vĩnh Hạ có 11 thôn, phường, xã.

* Tổng Thành Tuy Thượng có 12 thôn.
* Tổng Thành Tuy Hạ có 13 thôn, ấp.

Huyện Phước An có 4 tổng:

* Tổng An Phú Thượng có 12 thôn, xã, phường.
* Tổng An Phú Hạ có 8 thôn.
* Tổng Phước Hưng Thượng có 10 thôn, xã.
* Tổng Phước Hưng Hạ có 12 thôn, xã, phường.

Bảng 1. SỰ THAY ĐỔI ĐỊA LÝ LỊCH SỬ ĐỒNG NAI 1698 -1851

Năm 1698	**Năm 1808**	**Năm 1832**	**Năm 1837**	**Năm 1838**	**Năm 1851**
Dinh Trấn Biên	Trấn Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa	Tỉnh Biên Hòa
H. Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long	Phủ Phước Long
H. Phước Chánh	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh	H. Phước Chánh	H Phước Chánh	
H. Phước Bình					
H. Bình An	H. Bình An	H. Bình An	H. Bình An	H. Bình An	
H. Ngãi An	H. Ngãi An				
Phủ Phước Tuy	Phủ Phước Tuy	Phủ Phước Tuy			
H. Long Thành	H. Long Thành	H. Long Thành	H. Long Thành	H. Long Thành	
H. Phước An	H. Phước An	H. Phước An	H. Phước An	H. Phước An	
H. Long					

Sau khi người Pháp chiếm 6 tỉnh Nam kỳ, họ cải tổ các đơn vị hành chánh cho phù hợp với chế độ thuộc địa. Sau nhiều lần thay đổi và thăm dò hiệu quả, cuối

cùng trên địa bàn tỉnh Biên Hòa cũ, có 3 tỉnh mới là tỉnh Biên Hòa, tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Bà Rịa. Trong giai đoạn đầu họ bỏ cấp huyện, chỉ giữ lại cấp tổng và cấp làng xã. Vì gặp khó khăn trong việc điều hành, cuối cùng họ phải tái lập cấp huyện và gọi là quận. Đó là quận Núi Chứa Chan, quận Phú Riềng, quận Võ Đắc, quận Châu Thành, quận Long Thành, quận Tân Uyên.

II. SỰ THAY ĐỔI ĐƠN VỊ HÀNH CHÁNH TỪ NĂM 1861 ĐẾN 1954

1. Thời kỳ 1861-1945.

Ngày 18-12-1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha hạ thành Biên Hòa. Ngày 7- 1-1862, thành Bà Rịa bị mất vào tay giặc.

Sau khi chiếm ba tỉnh miền Đồng Nam kỳ, thực dân Pháp ép triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất (9-5-1862) với các điều khoản nặng nề:

- *Nước Nam phải nhường đứt cho Pháp ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và phải để chiến thuyền Pháp tự do ra vào sông Mê Kông.*
- *Nước Nam không được đem binh khí, thuốc đạn đi qua những tỉnh đã nhường cho Pháp....*

Vì còn lo xâm lược, soái phủ Nam kỳ vẫn giữ các đơn vị hành chánh cũ của triều Nguyễn.

Công báo Pháp năm 1863 ghi: Tỉnh Biên Hòa gồm 2 phủ, 4 huyện như cũ:

+ Phủ Phước Long có 2 huyện, 15 tổng:

° *Huyện Phước Chánh* đặt huyện lỵ ở Bến Cá (Tân Triều, nay thuộc xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai) có 6 tổng, 100 thôn, xã:

* Tổng Phước Vĩnh Thượng có 24 thôn, xã.
* Tổng Phước Vĩnh Trung có 16 thôn, xã.
* Tổng Phước Vĩnh Hạ có 18 thôn, xã.
* Tổng Chánh Mỹ Thượng có 10 thôn, xã.
* Tổng Chánh Mỹ Trung có 18 thôn, xã.
* Tổng Chánh Mỹ Hạ có 14 thôn, xã.

° *Huyện Bình An* đặt huyện lỵ ở Búng (nay thuộc xã Bình Nhâm, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương) gồm hai huyện: Bình An và Ngãi An hợp lại, có 9 tổng, 87 thôn, xã:

* Tổng Bình Chánh có 10 thôn, xã.
* Tổng Bình Thổ có 9 thôn, xã.

* Tổng Bình Điền có 11 thôn, xã.
* Tổng Bình Lâm có 13 thôn, xã.
* Tổng Bình Thiện có 8 thôn, xã.
* Tổng An Thổ có 8 thôn, xã.
* Tổng An Thủy có 14 thôn, xã.
* Tổng An Điền có 7 thôn, xã.
* Tổng An Bình có 7 thôn, xã.

+ Phủ Phước Tuy có 2 huyện, 8 tổng:

° *Huyện Phước An* đặt huyện lỵ ở An Điền (nay thuộc thị trấn Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) có 4 tổng, 36 thôn, xã:

* Tổng An Phú Thượng có 12 thôn, xã.
* Tổng An Phú Hạ có 8 thôn, xã.
* Tổng Phước Hưng Thượng có 8 thôn, xã.
* Tổng Phước Hưng Hạ có 8 thôn, xã.

° *Huyện Long Thành* đặt huyện lỵ ở thôn Long Thành, gồm 4 tổng, 58 thôn, xã:

* Tổng Long Vĩnh Thượng có 16 thôn, xã.
* Tổng Long Vĩnh Hạ có 11 thôn, xã.
* Tổng Thành Tuy Thượng có 10 thôn, xã.
* Tổng Thành Tuy Hạ có 21 thôn, xã.

Năm 1864, đô đốc Lagrandière chia ba tỉnh miền Đông Nam kỳ thành 7 tiểu khu chỉ huy (cercles de commandement). Tỉnh Biên Hòa chia thành 2 tiểu khu: Biên Hòa và Bà Rịa. Việc phân chia này phục vụ ý đồ quân quản; đứng đầu tiểu khu lần lượt là các sĩ quan: đại tá Domenech Diego, thiếu tá Loubère, thiếu úy Charlier, đại úy Garrido, thiếu tá Philastre... vì: *"Những người An Nam có học, tầng lớp trí thức trung thành với luật pháp xứ sở họ, chỉ có thể xem chúng ta như kẻ thù; tầng lớp có khả năng cai trị thì vắng mặt hay có ác cảm"... " Theo lệnh triều đình Huế, các nhà nho và quan lại đã biến đi, vì thế đồng loạt không chịu hợp tác"*

Năm 1865, để cho việc cai trị có bộ mặt dân sự, soái phủ Nam kỳ chia ba tỉnh miền Đông thành 13 sở tham biện. Tỉnh Biên Hòa có 5 sở tham biện: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Long Thành,Bảo Chánh.

Tháng 6-1866, tỉnh Biên Hòa được chia làm 6 địa hạt :Biên Hòa, Bà Rịa, Long

Thành, Thủ Đức, Bình An, Bảo Chánh.
Năm 1867, tỉnh Biên Hòa có 5 sở tham biện

- *Sở tham biện Biên Hòa* ở tỉnh lỵ Biên Hòa (xã Bình Trước, huyện Phước Chánh) có 6 tổng, 100 thôn, xã.
- *Sở tham biện Bà Rịa* ở tỉnh lỵ Bà Rịa (huyện Phước An) có 4 tổng Việt Nam, 3 tổng Thượng, 57 thôn, xã.
- *Sở tham biện Long Thành* ở làng Long Thành, huyện Long Thành có 5 tổng Việt Nam, 5 tổng Thượng, 105 thôn, xã.
- *Sở tham biện Bình An* ở tỉnh lỵ Thủ Dầu Một có 7 tổng, 71 thôn, xã.
- *Sở tham biện* Nghĩa An, lỵ sở ở Thủ Đức, huyện Nghĩa An cũ có 4 tổng, 35 thôn, xã (nhập về Sài Gòn theo quyết định ngày 29-10-1868).

Năm 1887, cả Nam kỳ có 2 sở tham biện. Từ Bà Rịa tách ra sở tham biện Cap Saint Jacques (Ô Cấp, Vũng Tàu).
Ngày 1-11-1899, tỉnh Đồng Nai Thượng (Haut Donnai) được thành lập gồm toàn tỉnh Lâm Đồng hiện nay và huyện Tân Phú, phần lớn huyện Định Quán (tỉnh Đồng Nai) bây giờ. Tỉnh lỵ đặt tại Djiring (Di Linh). (Năm 1901, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ, nhập vào tỉnh Ninh Thuận. Năm 1920, tỉnh này được thành lập lại).
Ngày 20-12-1899, nhà cầm quyền Pháp ra nghị định đổi tên sở tham biện thành tỉnh, chức chánh tham biện thànhquan cai trị chủ tỉnh

Bảng 2. SỰ THAY ĐỔI ĐỊA LÝ LỊCH SỬ TỪ 1863 ĐẾN 1887

Năm 1863	Năm 1865	Năm 1866	Năm 1867	Năm 1871	Năm 1887
Tỉnh Biên Hòa					
Phủ Phước Long	Thủ Dầu Một	Bình An	Bình An	Thủ Dầu Một	Thủ Dầu Một
Thủ Đức	Ngãi An				
Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa	Biên Hòa	
Bảo Chánh	Bảo Chánh				
Phủ Phước Tuy	Bà Rịa	Bà Rịa	Bà Rịa	Bà Rịa	Bà Rịa
Long Thành	Long Thành	Long Thành			

Cap. St. Jacques					

Năm 1881, tỉnh Biên Hòa có 9 tổng, 126 làng

Năm 1897, tỉnh Biên Hòa có 14 tổng, 168 làng .

Năm 1901, tỉnh Biên Hòa có 14 tổng, 151 làng.

Năm 1924, Biên Hòa có 17 tổng, 172 làng.

Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận: Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên và núi Bà Rá, 16 tổng, 119 xã.

Qua số liệu tổng, làng, xã vào các thời điểm khác nhau, ta thấy:

- Kinh tế tỉnh Biên Hòa phát triển mạnh mẽ, sôi động từ khi thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa vào những năm đầu thế kỷ XX này. Số làng, xã tăng lên nhanh: 15l làng thuộc 14 tổng năm 1901, đến năm 1924 đã có 172 làng, thuộc 17 tổng, như vậy số làng tăng 13,9%, số tổng tăng 21% trong vòng 1/4 thế kỷ.
- Tổ chức hành chánh ngày càng quy củ, chặt chẽ hơn, nhà cầm quyền Pháp đã cho sáp nhập một số làng với nhau thành xã có quy mô lớn để giảm bớt số ban hội tề vào cuối thập niên 20. Vì vậy, số xã của Biên Hòa năm 1939 chỉ còn 119, bớt 1 tổng Bình Tuy cắt về tỉnh Đồng Nai Thượng.Các quận được thành lập ở khắp tỉnh. Như vậy hệ thống hành chánh từ nửa cuối thập niên 20 trở đi là: tỉnh - quận - tổng - xã. Theo tài liệu của tòa bố Biên Hòa đề ngày 15-9-1923 do ông Lê Văn Nhưng cung cấp thì năm 1923, tỉnh Biên Hòa có 17 tổng, 156 làng như sau:

1.1. Tổng Phước Vĩnh Thượng có 9 làng:

- *Bình An* gồm 2 ấp: Bình Đa, An Hảo.
- *Bình Thành* gồm 2 ấp: Bình Hòa, Thành Long
- *Bình Trước* có 8 ấp: Tân Lân, Lân Thành, Lân Thị, Phước Lư, Vinh Thạnh, Bàu Hang, Đồng Lách, Sông Mây.
- *Nhị Hòa* có 3 ấp: Bình Kính, Tân Mỹ, Thành Hưng (Tân Hưng + Thịnh Đức)
- *Tam Hòa* có 4 ấp: Bình Hòa, Bình Quan, Hòa Quới, Long Quới
- *Nhứt Hòa* có 4 ấp: Bình Tự, Bình Xương, Tân Giám, Hưng Phú.
- *Tân Lại*
- *Vĩnh Cửu*

- *Tân Mai*

1.2. Tổng Phước Vĩnh Trung có 8 làng:

- *Bình Thạch* (xứ Thạch Bàn Khê)
- *Bình Ý* (xứ Sa Chử)
- *Bửu Long* (Long Ẩn) có 2 ấp: Bình Điện, Bạch Khôi.
- *Tân Phong* (xứ Đồng Tràm).
- *Tân Triều Đông* (xứ Cù Lao) có 3 ấp: Long Hòa, Tân Xuân, Tân Vinh.
- *Tân Triều Tây* (xứ Cù Lao) có 3 ấp: Cẩm Vinh, Tân Đức, Tân Thành.
- *Thạnh Phước* (xứ Sông Hến) có 4 ấp: Bình Hậu, Bình Mỹ, Tân Thạch, Hàm Hòa.
- *Thới Sơn* (xứ Đàm Ngư Hòa Quái) có 2 ấp: Bình Thới, Bình Sơn.

1.3. Tổng Phước Vĩnh Hạ có 12 làng:

- *Bình Lợi* (Châu Sa) có 2 ấp: Chợ, Thạnh Hòa (Bàu Tre).
- *Bình Ninh* có 3 ấp: Nhất, Nhì (Gò Cầy), Ba.
- *Bình Phú* có 2 ấp: Bình Lục, Long Phú.
- *Bình Thạnh* có 3 ấp: Bình An (Cây Đào), Thạnh Hòa (Cây Quéo), Thạnh Phú.
- *Bình Thảo* có 2 ấp: Bình Định (chợ Bến Cá), Bình An (xóm Búng).
- *Đại An* có 3 ấp: Thanh An (Bến Nôm), Bình An Chánh, Trị An (Bến Vịnh) và 6 xóm: Cây Gáo, Bàu Sao, Bàu Sình, Đồng Lớn, Vũng Rễ, Trại Giữa.
- *Long Lộc* có 2 ấp: Long Chánh, Đa Lộc.
- *Tân Định* có 1 ấp: Cầu Xoay và 2 xóm: Cháy, Đồn.
- *Tân Hiền* có 2 ấp: Tân Khai; Hiền Quan.
- *Tân Phú* có 2 ấp: Tân Huệ, Phú Trạch (Hóc Kè).
- *Xuân Hòa* (Bình Thanh).
- *Thiện Quan* có 5 ấp: Thiện Hòa, Lân Thành, Thạnh Hòa, Thới Hòa, Đồng Lách.

1.4. Tổng Thành Tuy Thượng có 15 làng:

- *An Lâm* (xóm Bưng Môn)
- *Long Thuận* (xóm Trầu) có 1 ấp Gò Ông Cua (xóm Gò)
- *Mỹ Khoan* có 1 xóm Chùa Ông
- *Phước Kiển* (chợ Dường) có 2 xóm: Trên, Dưới.
- *Phước Lộc* có 6 ấp: Phước Hòa (Trường Dầu), Phước An (Đồng Môn),

Phước Hưng (Quan Tre), Phước Vinh (Xóm Bứng), Phước Thạnh (Trảng Mè), Phước Phong (Gò Me).
- *Phước Lai* (Chợ Dỏ) có 1 ấp Phước Hưng (Xóm Chùa).
- *Phước Long* (Chợ Mới) có ấp Ông Thiện (Ba Ren).
- *Phước Nguyên* (Xóm Đậu) có 1 ấp Thanh Nguyên (Nước Trong).
- *Phước Thái* có 3 ấp: Khánh Lâm (Bàu Vừng), Cầu Ngan (Xóm Chùa), Gò Dầu (Nước Lộn).
- *Phước Thiền* có 5 ấp: Phước Thuận (Bến Cam), Phước Hòa (Bến Sắn) Phước Tân (Xóm Trầu), Phước Lợi (Chợ Quán), Long Điền (Đồng Điền).
- *Phước Thọ* có 4 xóm: Đồng Lớn, Bàu Nâu, Lão Hợi, Suối Cang.
- *Tam Thiện* có 2 ấp: Thiện Bình (Bàu Vuông), Thiện An (Đường Tượng).
- *Tập Phước* (Phước Hòa) có 1 ấp Khánh Lâm (bưng Lớn), 1 xóm Bàu Cỏ.
- *Tuy Long* có 2 ấp: Phú Lạc (Xóm Cá), Cai Vang (Cây Thẻ) và 2 xóm: Cầu Hào, Bà Lộc.
- *Bertin de la Souchère* (Bectanh đờ la Xuser) còn gọi là sở Tân Lộc.

1.5. Tổng Thành Tuy Hạ có 11 làng

- *An Phú.*
- *Long Hiệu* (Bến Lẫm) có 1 ấp Long Hòa (Vàm Đồng Môn) và Xóm Hàng.
- *Lương Thiện* (Rạch Ông Mai) có 4 ấp: Thành Hòa (Rạch Cá), Rạch Bãi, Rạch Miểu, Rạch Miểu Sành.
- *Mỹ Hội* (Hòn Một) có 1 ấp Mỹ Thành (Gian Lò) và 1 xóm Bàu Cá.
- *Phú Mỹ* (Bến Cam).
- *Phước An* (Rạch Cóc) có 6 ấp: Bàu Bông (Hang Nai), An Cẩm, Bình Quới, Quới Thạnh, Ba Doi, Tân Lập (Bà Hào).
- *Phước Khánh* (Rạch Ông Thuộc) có 5 ấp: Đông Thạnh (Đá Hàn), Phước Xuân Trung, Phước Thạnh (Rạch Chà Là Lớn), Phước Hòa (Rạch Chà Là Bé), Tây Khánh (ngã ba Đồng Tranh).
- *Phước Lương* (Cảnh Dương) có 3 ấp: Rạch Cá, Rạch Ông Đông, Rạch Ông Chuốc (bến đò Cát Lái).
- *Phước Lý* (Ông Kèo) có 4 ấp: Rạch Giồng, Suối Ngang (Xoài Minh), Bến Đình, Phước Thành (Rạch Vọp).
- *Phước Thạnh* (Suối Nước) có 4 ấp: Rạch Giồng, Bến Cộ, Bàu Sen, Cù

Lao Ông Còn.
- *Tân Tường* (Rạch Chại) có 2 ấp: Vĩnh Tuy, Bình Phú và có 2 xóm: Bà Vách, Rạch Kè.

1.6. Tổng Long Vĩnh Thượng có 9 làng:
- *An Hòa* (Bến Gỗ).
- *An Lợi*.
- *Long Bình* có 2 ấp: Long Điềm, Bình Dương.
- *Long Hưng* có 3 ấp: Phước Hội, An Xuân, Tân Xuân.
- *Phước Tân* có 2 ấp: Phước Cang, Vĩnh Hòa.
- *Tam Phước* có 4 ấp: Long Khánh, Phước Mỹ, Phước Hưng, An Phước.
- *Tam An* có 2 ấp: An Hưng, An Định.
- *Thiết Tượng*.
- *Trường Thọ* có 2 ấp: Long Trường, Vĩnh Thọ.

1.7. Tổng Chánh Mỹ Thượng Có 9 làng :
- *Bình Long*.
- *Tân Bản* (Tân Bản hợp với Tân Phú).
- *Mỹ Khánh*.
- *Bình Trị* (Bình Thái hợp với Hữu Lân).
- *Tân Hạnh*.
- *Tân Phước Đông*.
- *Tân Triều*.
- *Tân Vạn* (Tân Vạn hợp với Đắc Phước).
- *Hóa An*.

1.8. Tổng Chánh Mỹ Trung có 19 làng:
- *An Chử* (cù lao Tân Chánh) có 2 xóm: ấp Nhất, ấp Nhì.
- *Bình Chử* (cù lao Tân Chánh) có 2 xóm: Cầu Mương, Bến Đò.
- *Bình Hưng* (cù lao Tân Chánh) có 2 xóm: Bến Đò, Chùa.
- *Điều Hòa* (cù lao Tân Chánh) có 2 xóm: Sông, Gò.
- *Tân Trạch* (cù lao Tân Chánh) có 2 xóm: Sông, Gò Ông Hành.
- *Bình Hóa* có 3 ấp:

Ấp Nhất có 3 xóm: Lãng, Cầu Rạch Tre, Trảng Ông Tồn.
Ấp Nhì có 5 xóm: Đồng, Bưng, Hố Trào, Ông Phò, Miễu Ông.
Ấp Ba có 2 xóm: Ông Lình, suối Trại Dền.

- *Bình Chánh Đông* có 4 xóm: Sông, Rạch Cát, Ông Tâm, Suối Ông Đông.
- *Tân Hội* (cù lao) có 2 xóm: Miễu, Cây Dầu.
- *Nhựt Thạnh* (cù lao Rùa) có 2 ấp: Nhất, Nhì.
- *Phước Hải Đông* có 2 ấp: Nhất, Nhì.
- *Tân Ba* (Đồng Váng) có 3 ấp: Nhất, Nhì, Ba.
- *Tân Long* (xứ Tầm Bồng) có 3 ấp: Cồn Đá Lửa, Cây Me, Lương Phước.
- *Tân Mỹ* (đồng Bà Nghè) có 2 ấp: Truông Cây Khế, Chợ Đậu.
- *Vĩnh Phước*.
- *Tân Uyên* (xứ Thủ Đường) có 4 xóm: Đồn, Dầu, Bàu, Chợ Đậu.
- *Dư Khánh* có 4 ấp: Dều Gà, Cây Da, Gò, Bộng Dầu.
- *Hiệp Hưng* có 2 xóm: Chợ Mới, Vườn Thơm.
- *Thiện Khánh* (Cầu Dài) có 2 xóm: Bưng, Mới.
- *Tân Lương*.

1.9. Tổng Chánh Mỹ Hạ có 15 làng:

- *An Linh* có 4 ấp: xóm Trường, Đá Trắng, Cả Sặc, Hố Đả.
- *Bình Cơ* có 3 ấp: Bàu Sao, Bưng Cóc, xóm Chòi Dúng.
- *Chánh Hòa* có 5 xóm: Suối Ông Thủ, Nước Trong, Suối Con, Suối Ngang, Bến Trám và 1 ấp Bến Trám.
- *Chánh Hưng* có 6 xóm: Miễu Quan Lớn, Bến Cát, Thuộc Nghĩa, Cây Chanh, Bà Phụng, Xóm Bè.
- *Lạc An* có 3 ấp: Bến Đò, Bến Hàng, Bến Vỏ và 1 xóm Cây Dâu.
- *Mỹ Lộc* có 3 ấp: Rốc, Lớn, Xóm Sông.
- *Mỹ Đức* có 2 ấp: Đồng Sặc, Bàu Gốc và 1 xóm: Suối Bà Phó.
- *Phước Vĩnh* có 5 xóm: Bố Mua Vàm Gia, Cựa Gà Hố Sao, Bưng Lớn, Bưng Riềng, Bờ Ao Suối Cang, Trảng Sắn.
- *Phước Hòa* có ấp: Bàu Cỏ, Đá Trắng, Bùng Binh, Suối Lùng và xóm: Đông Chinh, Bố Lá, Cần Đôm, Suối Cái, Rạch Ngan.
- *Tân Hòa* có 4 xóm: Thày Tổng Cựu, Thày Phó, Đất Cuốc, Miễu Lớn.
- *Phước Sang* có 2 ấp: Sông Sang, Xóm Triết.
- *Tân Tịch* có 2 ấp: Chợ Cây Da, Xóm Chồi và 1 xóm Vườn.
- *Tân Nhuận* có 4 xóm: Đường Đắp, Sinh Trên, Thày Tổng Tân, Thày Phó Cựu.
- *Thạnh Hòa* có 3 xóm: Cây Khô, Vàm Giá, Đui Chuộc.

- *Thường Lang* có 3 ấp: Đức Quan, Tân Quan, Tân Thạnh.

1.10. Tổng Bình Lâm Thượng có 8 làng:

- *An Lộc* có 1 xóm Đất Mới.
- *Bình Lộc*.
- *Gia Rai* có 1 ấp Bảo Chánh.
- *Hưng Lộc*.
- *Phú Lộc* có 2 xóm: suối Lội, Bưng Cơ.
- *Tân Lập*
- *Tân Phong* có 1 ấp Phong Lộc.
- *Xuân Lộc*.

1.11. Tổng An Viễn có 8 làng:

- *Cam Đường* (Bàu Lùng) có 1 ấp Cam Đường.
- *Cam Mỹ* (Đa Tao) có 3 ấp: Gia Trầu, Hôn, Ruộng Chim.
- *Cam Ngôn* (Ca Vân) có 1 ấp Cam Ngôn.
- *Cam Tim* (Bambrơ) có 4 ấp: Gông Lao, Dầu Mè, Rau Râm, Suối Lức.
- *La Minh* (Bo Ngột) có 1 ấp La Minh.
- *Thoại Hương* (Gian) có 2 ấp: Đất Nước, Đất Đỏ.

1.12. Tổng Phước Thành có 10 làng:

- *Bao Hàm* có 1 ấp Đồng.
- *Đông Thành* có 1 ấp Đông Thành.
- *Gia An* có 2 ấp: Biển Lạc, Bàu Sâu.
- *Gia Cấp* có 2 ấp: Tung, Gia Lão.
- *Thọ Vực* (Viero) có 3 ấp: La Hoa, Suối Rết, Suối Gia Huynh.
- *Trà Tân* có 3 ấp: Gia Ló, Vo Giữa, Cam Rơ.
- *Võ Đắc* có 3 ấp: Cổ Lăng, Rơ Tên, Cả Don.
- *Võ Định* có 1 ấp Võ Định.
- *Võ Dõng* (Bu Dor) có 3 ấp: Gia Kiêm, Cà Vàng, Đồng Xoài.
- *Võ Quan* có 3 ấp: Túc Trưng, Bà Giá, Gió Rong.

1.13. Tổng Bình Tuy có 7 làng:

- *Cao Cang* (Xarai) có 1 ấp Cao Cang.
- *Định Quan* (Bò Xu) có 2 ấp: Đồng Lý, Chòm Rẫy.
- *Gia Canh* (Bành Bát) có 2 ấp: Đồng Bác, Đá Hủ.
- *Lý Lịch* có 1 ấp Cà Nhên.

- *Thuận Tùng* (Bdop) có 2 ấp: Bùng Bung, Bà Rập.
- *Túc Trưng* (Brou) có 1 ấp Túc Trưng.
- *Vinh An* (Chéral) có 1 ấp Vinh An.

1.14. Tổng Tập Phước có 7 làng:

- Bảo Chánh (Chà Hoan) có 4 ấp: Bàu Tra, Lát Chiếu, Ruộng Tri, Ruộng Lớn.
- *Bảo Liệt* (Brêt) có 2 ấp: Ruộng Mai, Tràm Đồng.
- *Bảo Định* (Uêt) có 2 xóm: Hổ, Đất Đỏ.
- *Bảo Mỹ* (Viêm Cung) có 1 ấp Bằng Lăng Chẹt.
- *Lang Tài* (Từ Chu) có 1 ấp Suối Tre.
- *Thới Giao* (Từ Chao) có 1 ấp Hố Thiện.
- *Tích Thiện* (Boubla) có 3 ấp: Suối Bí, Gia Dục, Bàu Dục.

1.15. Tổng Bình Cách có 7 làng:

- *An Bình* có 3 ấp: Cà Na, Tà Cộc, Phồm Me.
- *Thành Công* có 3 ấp: Suối Mía, Cuộn, Tà Inh.
- *Cam Sô* có 2 ấp: Bàu Tra, Phồm Cốc.
- *An Trang* có 4 ấp: Dàm Sai, Cầu Cày, Rau Răm, Bà Hào.
- *Chơn Thành.*
- *Thanh Sơn.*
- *Diêm Quang.*

1.16. Tổng Thuận Lợi có 5 làng:

- *Bình Trị* có 4 ấp: Tà Mòn, Tà Bái, Tà Băn, Tạt Nàng Bua.
- *Thành Xuân* có 3 ấp: Vát Tru, Vát Rú, Phú Tron.
- *Bình Kiều* có 3 ấp: Phú Cô, Phú Riêng, Tầm Lay.
- *An Thổ* có 3 ấp: Chung Lâm, Phú Tron, Phú Xậu.
- An Lộc có 4 ấp: Tà Cô, Phú Đọt, Phú Trích, Phú Mang.

1.17. Tổng Tân Thuận có 3 làng:

- *Phú Cát.*
- *Phú Tét.*
- *Tạt Rạch.*

Bản kê cứu này có ghi chữ Nho và chữ Nôm dưới tên các xóm làng, trừ vài địa danh không tìm được chữ Nôm tương ứng. (Sách Biên Hòa sử lược (1960) của Lương Văn Lựu cung cấp danh sách các làng tương tự song đẩy niên đại lên năm

1878 và không chỉ rõ nguồn tư liệu trích dẫn).
Theo Vương Hồng Sển (trong Tự vị tiếng Việt miền Nam, 1993), Võ Sa, Võ Đắc, Võ Dõng... có thể là Dỏ Sa, Dỏ Đắc, Dỏ Dõng.... trong đó dỏ nghĩa là điếm canh. Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của cũng định nghĩa: dỏ: xích hậu, trại thủ, trại sách trong mỗi một làng.
Từ khi Pháp cai trị tới năm 1945, các làng, xã nhiều phen nhập, tách.

2. Thời kỳ 1945-1954.

2.1. Về phía Pháp.

Trong thời kỳ này, địa lý lịch sử tỉnh Biên Hòa chỉ có một thay đổi: năm 1951, quận Bà Rá đổi thành quận Sông Bé và cắt về tỉnh Thủ Dầu Một; năm 1953 quận Bà Rá lại chia đôi, thành hai quận Sông Bé và Bù Đốp (thuộc tỉnh Thủ Dầu Một).

Năm 1951, diện tích tỉnh Biên Hòa còn khoảng 8.800km2.
Trước khi quận Sông Bé sáp nhập, tỉnh Thủ Dầu Một rộng khoảng 2.500km2, năm 1951 tỉnh Thủ Dầu Một rộng 4.723km2.

2.2. Về phía chính quyền kháng chiến.

** Từ tháng 8-1945 đến cuối 1947.*

Sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Ủy ban Hành chánh tỉnh Biên Hòa được thành lập. Bộ máy chính quyền cách mạng quận, xã được hình thành để xây dựng cuộc sống mới và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta.

Về địa lý hành chánh gồm các quận, xã cơ bản được tổ chức như trước cách mạng, nhưng khác ở chỗ ta không có cấp tổng. Đến cuối năm 1947, không có sự thay đổi về địa lý hành chánh.

Đến cuối năm 1947, được sự đồng ý của Ủy ban Hành chánh Nam bộ, tỉnh Biên Hòa lập quận Sông Bé ở phía đông và đông bắc chiến khu Đ (Lịch sử chiến khu Đ, Nhà xuất bản Đồng Nai, 1997, trang 25)

** Từ năm 1948 đến 1951.*

Nhận rõ vai trò vị trí quan trọng của tỉnh lỵ Biên Hòa, năm 1948 Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ quyết định chia quận Châu Thành làm hai đơn vị:

- Thị xã Biên Hòa, gồm xã Bình Trước có 5 khu nội ô và 8 ấp vùng ven.
- Huyện Vĩnh Cửu, gồm các xã còn lại của quận Châu Thành.

** Từ 1951 đến 1954.*

Tháng 5-1951, Trung ương Cục miền Nam phân chia lại chiến trường Nam bộ, gồm phân liên khu miền Đông và phân liên khu miền Tây, sáp nhập một số tỉnh lại.

Hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một hợp thành tỉnh Thủ Biên, thuộc phân liên khu miền Đông. Tỉnh Thủ Biên có hai thị xã: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và 7 huyện: Hớn Quản, Bến Cát, Lái Thiêu,Thủ Đức, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc. Huyện Long Thành lúc này về tỉnh Bà - Chợ.

Tháng 7-1951, tỉnh Thủ Biên lập huyện căn cứ Đồng Nai rộng 3.700km2, gồm huyện Hớn Quản và một số xã của huyện Tân Uyên.

3.Thời kỳ từ 1954 đến 1975.

3.1. Về phía chính quyền Sài Gòn.

Từ đầu năm 1957 trở đi, chính quyền Sài Gòn chia nhỏ các tỉnh miền Nam thành các tỉnh mới, để phục vụ ý đồ chiến lược quân sự.

Tỉnh Biên Hòa chia thành hai tỉnh mới: Biên Hòa và Long Khánh với một số điều chỉnh địa giới. Cấp tổng tồn tại thêm ít năm rồi bị bãi bỏ; các quận cũng bị chia nhỏ. Các tỉnh trưởng, quận trưởng đều là sĩ quan các cấp được bổ nhiệm. Các địa danh nôm na đều được thay bằng địa danh Hán – Việt. Thí dụ như: tỉnh Bà Rịa được thay bằng tỉnh Phước Tuy, tỉnh Thủ Dầu Một thay bằng tỉnh Bình Dương.

3.1.1. Tỉnh Long Khánh.

Nghị định số 131.BNV/HC/ND ngày 24-04-1957 ấn định tỉnh Long Khánh gồm 2 quận:

- Quận Xuân Lộc có tổng Bình Lâm Thượng.
- Quận Định Quán gồm tổng Bình Tuy và Tà Lài. Quận này do tỉnh Lâm Đồng cắt nhượng phần đất phía bắc sông La Ngà lên tới suối Đạ Gui (vùng Mạ Đa Gui của tỉnh Lâm Đồng).

Nghị định số 931 NĐ/ĐUHC ngày 28-4-1967 lập quận Kiệm Tân.

Nghị định số 696 NĐ/NV ngày 31-12-1974 cải xã Gia Ray thành quận Bình Khánh, có hai xã mới Đồng Tâm, Xuân An (phân vạch trên giấy tờ, chưa kịp tổ chức lập bộ máy hành chánh thì đã được giải phóng).

Ranh giới tỉnh Long Khánh có một số thay đổi vào các thời điểm khác nhau:

Tỉnh Biên Hòa (1956-1975), chia làm 6 tỉnh: Biên Hòa, Bình Dương, Bình Long, Phước Long, Long Khánh, Phước Tuy.

- Năm 1957, tỉnh Long Khánh có 2 quận, 3 tổng, 32 xã.
- Năm 1960, tỉnh Long Khánh có 2 quận, 2 tổng, 16 xã.
- Năm 1967, tỉnh Long Khánh có 3 quận, 19 xã.
- Năm 1974, tỉnh long Khánh có 4 quận, 21 xã(8).

3.1.2. Tỉnh Biên Hòa.

Nghị định số 140.BNV/HC/NĐ ngày 3-5-1957 ấn định tỉnh Biên Hòa gồm 4 quận: Châu Thành, Long Thành, Tân Uyên và Dĩ An (mới lập) có 11 tổng: Phước Vĩnh Thượng, Phước Vĩnh Trung, Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ, An Thủy, An Phước Hạ.

Sắc lệnh 204.NV ngày 9-9-1960 cho nhập hai quận: Cần Giờ, Quảng Xuyên vào tỉnh Biên Hòa (nguyên hai quận này cắt từ tỉnh Gia Định về tỉnh Phước Tuy tháng 3-1958; sau đó trả về Gia Định ngày 17-11-1965).

Nghị định số 858.NV ngày 9-9-1960 đặt quận mới Nhơn Trạch (tách từ quận Long Thành).

Nghị định số 122.NV ngày 7-2-1963 đặt quận mới Công Thanh (tách từ một phần quận Châu Thành và một phần huyện Tân Uyên ở phía bờ trái sông Đồng Nai).

Nghị định số 267.NV ngày 22-3-1963 đổi tên quận Châu Thành ra quận Đức Tu (có thêm các xã: Tân Vạn, Bửu Hòa... ở bờ phải sông Đồng Nai).

Sắc lệnh số 192. NV ngày 10-10-1962 cắt tổng Long Vĩnh Hạ về quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định.

Ngoài ra, tỉnh Biên Hòa có một số điều chỉnh địa giới và đổi tên xã:

- Năm 1957, tỉnh Biên Hòa có 4 quận, 11 tổng 85 xã.
- Năm 1959, tỉnh Biên Hòa có 4 quận, 9 tổng, 60 xã.
- Năm 1960, tỉnh Biên Hòa có 7 quận, 10 tổng, 70 xã.
- Năm 1963, tỉnh Biên Hòa có 8 quận, 76 xã (bỏ cấp tổng).
- Năm 1965, tỉnh Biên Hòa có 6 quận, 71 xã.
- Năm 1972, tỉnh Biên Hòa có 6 quận, 71 xã(9).

3.2. Về phía cách mạng

Theo yêu cầu của chiến trường, địa bàn tỉnh Biên Hòa cũ thay đổi rất nhiều

lần từ sau hiệp định Genève tháng 7-1954.
Cho tới tháng 4-1955, tỉnh Thủ Biên vẫn giữ như trước.
Tháng 5-1955, tỉnh Thủ Biên tách thành hai tỉnh: Biên Hòa và Thủ Dầu Một. Tỉnh Biên Hòa tồn tại đến tháng 9-1960.
Từ tháng 10-1960 đến tháng 3-1963, tỉnh Biên Hòa tách thành hai tỉnh: Biên Hòa và Long Khánh (theo ranh giới do chính quyền Sài Gòn phân vạch).
Từ tháng 9-1960 đến tháng 7-1961, lập lại tỉnh Thủ Biên do sáp nhập tỉnh Biên Hòa (mới) và tỉnh Thủ Dầu Một.
Từ tháng 7-1961, tỉnh Thủ Biên tách thành ba tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Phước Thành.
- *Quận Hiếu Liêm gồm 4 xã: Chánh Hưng, Thái Hưng, Đại An, Trị An*
- *Quận Tân Uyên gồm 12 xã: Bình Khánh, Bình Long, Bình Thạnh, Lợi Hòa, Tân Định, Tân Phú, Thiện Tân, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lan, Tân Hiệp, Tân Hòa Khánh*
- *Quận Phú Giáo có 7 xã: Bình Mỹ, Phước Hòa, Vĩnh Hòa, Tân Bình, Vĩnh Tân, một phần xã Lại An, An Bình*

Từ tháng 3-1963 đến tháng 12-1963, ba tỉnh: Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa sáp nhập thành tỉnh Bà Biên.
Từ tháng 12-1963 đến tháng 10-1966, tỉnh Bà Biên lại tách thành ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh.
Từ tháng 11-1966, ba tỉnh trên lại nhập thành tỉnh Bà Biên. Đến tháng 10-1967, lại tách thành tỉnh Bà Rịa-Long Khánh và tỉnh Biên Hòa.
Tháng giêng 1965, thị xã Biên Hòa được nâng lên thành đơn vị thuộc Trung ương Cục miền Nam gọi là U1 (U một). Đến tháng 10-1967, tỉnh U1 nhận thêm 2 huyện: Vĩnh Cửu và Trảng Bom.
Từ tháng 10-1967 đến tháng 5-1971, khu miền Đông giải thể. Địa bàn tỉnh Đồng Nai lúc này có U1 (thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom); huyện Xuân Lộc, Định Quán (thuộc tỉnh Bà Rịa-Long Khánh), phân khu 4 (Long Thành, Nhơn Trạch, các sở cao su Bình Sơn, một số xã nam Thủ Đức, quận 9 Sài Gòn). Việc lập các phân khu nhằm phục vụ cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.
Từ tháng 5-1971 đến tháng 10-1972, U1 nhập với phân khu 5 thành phân khu Thủ Biên (trong đó hai huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom nhập lại gọi tên Vĩnh

Cửu); phân khu Bà Rịa-Long Khánh gồm ba thị xã: Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu và 8 huyện: Xuân Lộc (gồm có cả huyện Định Quán), Long Thành (gồm có cả huyện Nhơn Trạch), Cao Su, Thủ Đức, Duyên Hải, Châu Đức, Long Đất, Xuyên Mộc.

Từ tháng 10-1972 đến tháng 4-1975, lập lại các tỉnh: Biên Hòa và Bà Rịa - Long Khánh. Tỉnh Biên Hòa có thị xã Biên Hòa, các huyện: Vĩnh Cửu, Trảng Bom (tháng 10-1973 đổi thành huyện Thống Nhất), Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Uyên, Cần Giờ.

Trong thời gian này lại có một số điều chỉnh như sau: Tháng 6-1973, tách tỉnh Biên Hòa thành Biên Hòa đô thị gọi là thành phố Biên Hòa trực thuộc Trung ương Cục và Biên Hòa nông thôn gồm các huyện còn lại. Tháng 10, Trung ương Cục thành lập tỉnh Tân Phú - tỉnh căn cứ gồm các huyện: Tân Uyên, Định Quán, Phú Giáo.

III. ĐỒNG NAI TỪ SAU NGÀY GIẢI PHÓNG.

Sau ngày 30-4-1975, địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm 3 tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh và Tân Phú.

Ngày 20-9-1975, Trung ương Cục ra quyết định số 16/QĐ.75 giải thể các khu, sáp nhập một số tỉnh cũ, thành lập tỉnh mới.

Tháng 1-1976, ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú hợp nhất thành tỉnh Đồng Nai.

- Năm 1976, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện, 1 quần đảo (Trường Sa), 154 phường, xã, thị trấn.
- Năm 1979, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 8 huyện, 1 quần đảo, 141 phường, xã, thị trấn.
- Năm 1985, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã (Vĩnh An), 7 huyện, 147 phường, xã, thị trấn.
- Năm 1990, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, 155 phường, xã, thị trấn.
- Năm 1992, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, 119 phường, xã, thị trấn.
- Năm 1995, tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 8 huyện, 163 phường, xã, thị trấn.

Những thay đổi địa giới đến cấp huyện diễn ra vào các năm:

+ Nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 4, ngày 29-12-1978, cắt huyện Duyên Hải (tỉnh Đồng Nai) nhập về thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi là huyện Cần Giờ).
+ Nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 5, ngày 30-5-1979, thành lập Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo (gồm có thị xã Vũng Tàu, xã Long Sơn, huyện Châu Thành và huyện Côn Đảo của tỉnh Hậu Giang).
+ Quyết định số 193.HĐBT ngày 9-12-1982, thành lập huyện Trường Sa, trước đây vốn thuộc huyện Long Đất (Đồng Nai). Huyện Trường Sa bao gồm toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa.
+ Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 4, ngày 8-12-1982, sáp nhập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh (sau này thuộc tỉnh Khánh Hòa).
+ Quyết định số 284.HĐBT ngày 23-12-1985, thành lập thị xã Vĩnh An (gồm huyện Vĩnh Cửu và các lâm trường: Vĩnh An, Mã Đà).
+ Quyết định số 107.HĐBT ngày 10-4-1991, chia huyện Xuân Lộc thành hai huyện: Long Khánh và Xuân Lộc. Chia huyện Tân Phú thành hai huyện: Định Quán và Tân Phú.
+ Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 9, ngày 12-8-1991, cắt ba huyện: Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Đồng Nai nhập với Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo để thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
+ Nghị định 51.CP ngày 26-3-1994, chia huyện Long Thành thành hai huyện: Long Thành và Nhơn Trạch.
+ Nghị định 109.CP ngày 29-8-1994 lập lại huyện Vĩnh Cửu từ thị xã Vĩnh An.

Việc tách nhập xã, phường... diễn ra nhiều lần trong hai mươi năm qua, đánh dấu sự phát triển sôi động của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, mà Đồng Nai là một đỉnh của tam giác đó.

Cho đến năm 1995, tỉnh Đồng Nai có những đơn vị hành chính sau đây:

1. Thành phố Biên Hòa (đô thị loại II) có 23 phường 3 xã:

- Xã Hóa An - Xã Tân Hạnh - Xã Hiệp Hòa
- Phường Bửu Hòa - Phường Tân Vạn - Phường Long Bình Tân
- Phường Thanh Bình - Phường Trung Dũng - Phường Quang Vinh

- Phường Quyết Thắng - Phường Thống Nhất - Phường Hòa Bình
- Phường Tân Mai - Phường Bửu Long - Phường An Bình
- Phường Tân Phong - Phường Trảng Dài - Phường Tân Tiến
- Phường Tân Hiệp - Phường Tam Hiệp - Phường Tam Hòa
- Phường Bình Đa - Phường Long Bình - Phường Hố Nai I
- Phường Tân Biên - Phường Tân Hòa

2. Huyện Vĩnh Cửu có 1 thị trấn, 1 phường, 8 xã.

- Xã Vĩnh Tân	- Thị trấn Vĩnh An	- Phường Trị An
- Xã Tân Bình	- Xã Thạnh Phú	- Xã Bình Hòa
- Xã Bình Lợi	- Xã Tân An	- Xã Thiện Tân
- Xã Phú Lý		

3. Huyện Thống Nhất có 1 thị trấn, 24 xã:

- Thị trấn Trảng Bom - Xã Hố Nai 3 - Xã Bắc Sơn
- Xã Quảng Tiến - Xã Bình Minh - Xã Sông Trầu
- Xã Hưng Lộc - Xã Hưng Thịnh - Xã Đông Hòa
- Xã Tây Hòa - Xã Trung Hòa - Xã Bàu Hàm
- Xã Sông Thao - Xã Bàu Hàm 2 - Xã Cây Gáo
- Xã Thanh Bình - Xã Gia Kiệm - Xã Quang Trung
- Xã Gia Tân 1 - Xã Gia Tân 2 - Xã Gia Tân 3
- Xã An Viễn - Xã Đồi 61 - Xã Giang Điền
- Xã Lộ 25

4. Huyện Long Thành có 1 thị trấn, 18 xã:

- TT. Long Thành	- Xã Lộc An	- Xã Phước Tân
- Xã Tam An	- Xã Tam Phước	- Xã Long Đức
- Xã Long Phước	- Xã Suối Trầu	- Xã Cẩm Đường

- Xã Bàu Cạn	- Xã Tân Hiệp	- Xã Long An
- Xã Phước Thái	- Xã Phước Bình	- Xã Bình Sơn
- Xã Bình An	- Xã An Hòa	- Xã Long Hưng

- Xã An Phước

5. Huyện Nhơn Trạch có 12 xã:

- Xã Phước Thiền	- Xã Phú Hội	- Xã Long Tân
- Xã Phú Thạnh	- Xã Đại Phước	- Xã Phước An

- Xã Phước Khánh	- Xã Vĩnh Thanh	- Xã Long Thọ
- Xã Hiệp Phước	- X Phú Hữu	- Xã Phú Đông

6. Huyện Xuân Lộc có 1 thị trấn, 20 xã:

- Thị trấn Xuân Lộc	- Xã Xuân Thành	- Xã Xuân Phú
- Xã Xuân Bảo	- Xã Bảo Bình	- Xã Xuân Định
- Xã Bảo Hòa	- Xã Xuân Hưng	- Xã Xuân Thọ
- Xã Xuân Bắc	- Xã Xuân Hòa	- Xã Xuân Thọ
- Xã Xuân Trường	- Xã Suối Cao	- Xã Xuân Hiệp
- Xã Suối Cát	- Xã Lang Minh	- Xã Sông Ray
- Xã Lâm San	- Xã Xuân Đông	- Xã Xuân Tây

7. Huyện Long Khánh có 1 thị trấn, 17 xã:

- Thị trấn Xuân Lộc	- Xã Xuân Lập	- Xã Suối Tre
- Xã Bàu Sen	- Xã Xuân Thanh	- Xã Xuân Bình
- Xã Bình Lộc	- Xã Xuân Vinh	- Xã Bảo Quang
- Xã Xuân Tân	- Xã Xuân Thanh	- Xã Nhân Nghĩa
- Xã Xuân Mỹ	- Xã Long Giao	- Xã Xuân Đường
- Xã Thừa Đức	- Xã Xuân Quế	- Xã Sông Nhạn

8. Huyện Tân Phú có 1 thị trấn, 17 xã:

- Thị trấn Tân Phú	- Xã Phú Bình	- Xã Phú Trung
- Xã Phú Sơn	- Xã Phú Thanh	- Xã Phú Xuân
- Xã Phú Lâm	- Xã Thanh Sơn	- Xã Phú Lộc
- Xã Phú Thịnh	- Xã Trà Cổ	- Xã Phú Lập
- Xã Tà Lài	- Xã Phú Diễn	- Xã Phú An
- Xã Núi Tượng	- Đák Lua	- Xã Nam Cát Tiên

9. Huyện Định Quán có 1 thị trấn, 13 xã:

- Thị trấn Định Quán	- Xã Phú Hòa	- Xã Phú Cường
- Xã Phú Túc	- Xã Túc Trưng	- Xã Suối Nho
- Xã La Ngà	- Xã Phú Ngọc	- Xã Thanh Sơn

- Xã Ngọc Định	- Xã Gia Canh	- Xã Phú Tân
- Xã Phú Lợi	- Xã Phú Vinh	

Bảng 3. TỔNG HỢP SỰ THAY ĐỔI ĐỊA LÝ LỊCH SỬ TỪ 1863-1996

Năm 1863	**Năm 1871**	**Năm 1887**	**Năm 1957**	**Năm 1959**	**Năm 1976**	**Năm 1996**
Tỉnh Biên Hòa	Thủ Dầu Một Biên Hòa	Thủ Dầu Một Biên Hòa	Bình Dương Bình Long Phước Long Biên Hòa Long Khánh	Bình Dương Bình Long Phước Long Phước Thành Biên Hòa Long Khánh	Sông Bé Đồng Nai	Bình Dương Bình Phước Đồng Nai
Bà Rịa	Bà Rịa Cap Saint Jacques	Phước Tuy	Phước Tuy	Bà Rịa Vũng Tàu		

KẾT LUẬN:

Đồng Nai là một tỉnh miền Đông Nam bộ, có lịch sử lâu đời. Công cuộc khai phá của cư dân Việt trên vùng đất Đồng Nai đã diễn ra hàng ngàn năm. Các cộng đồng cư dân Việt đã cùng chung sức xây dựng, khai phá vùng đất trở thành một vùng kinh tế phát triển khá cao so với cả nước .

Vùng đất Đồng Nai có thể xem là một chiếc nôi của buổi bình minh xã hội loài người. Sự xuất hiện người cổ với nền văn minh tiền sử phát triển đã đánh dấu một thời kỳ lịch sử quan trọng trong tiến trình lịch sử của nhân loại.

Câu 2: Hãy trình bày những hiểu biết và cảm nhận của bạn về di tích văn miếu Trấn Biên. Qua đó hãy nêu những việc làm của bạn trong việc bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích đến mọi người?

- Ai ơi về Đại Phố Châu
Thăm núi Châu Thới, thăm cầu Đồng Nai.
- Ai về Phú Hội, Phước Thiền
Chôm chôm xóm Hố, sầu riêng xóm Vườn.
- Trà Phú Hội, nước Mạch Bà
Sầu riêng An Lợi, chuối già Long Tân
Cá Bui, sò huyết Phước An
Gạo thơm Phước Khánh, tôm càng rạch Nhum.
- Đồng Nai gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó thời không muốn về.
- Đồng Nai nước ngọt gió hiền
Biên Hùng muôn thuở tiếng truyền an vui.
-Ăn bưởi thì hãy đến đây
Đến mùa bưởi chín vàng cây trĩu cành.
- Đường về đất đỏ miền Đông
Cao su bao lá hận lòng bấy nhiêu.
- Trần gian địa ngục là đây
Đồn điền Đất Đỏ nơi Tây giết người.
- Hết gạo thì có Đồng Nai
Hết củi thì có Tân Sài chở vô.
- Nước sông Đồng Nai sóng dồi lên xuống
Cửa Đồng Môn mây cuốn cánh buồm xuôi
Bậu với qua hai mặt một lời
Trên có trời, dưới có đất
Nguyện sông cạn non dời cũng chẳng xa.
- Ngày xưa giặc Pháp sang đây
La Ngà máu đổ chôn thây quân thù.
- Nhà Bè nước chảy phân hai
Lòng Tàu, Soài Rạp, Đồng Nai oai hùng.
(sưu tầm)

Ôi những vần thơ khuấy động lòng người, chỉ đọc thôi là chúng ta đã muốn bước chân vào xứ sở, quê hương Đồng Nai rồi. Và đặc biệt hơn nữa, khi bước chân vào tỉnh thành này, thật sự rất hối tiếc nếu như không tham quan di tích lịch sử nơi đây. Một trong những di tích đáng được quan tâm đến đó chính là " Văn Miếu

Trấn Biên"- nơi chứng kiến những dấu ấn của lịch sử_ nơi phụng thờ " Hào khí Nam Bộ và cũng là nơi tham quan du lịch lí tưởng cho các du khách.

(toàn cảnh Văn Miếu Trấn Biên từ trên cao)

I. VĂN MIẾU TRẤN BIÊN-NƠI DI TÍCH LỊCH SỬ

1. Lịch sử hình thành Văn Miếu Trấn Biên:

Lịch sử vùng đất Đồng Nai từ thế kỷ XVI là vùng đất hoang sơ. Đến năm 1698, chưởng cơ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược xứ Nam bộ lúc này kinh tế Đồng Nai phát triển khá trù phú, nên văn hóa học hiệu càng được chú trọng hơn. Vì thế 17 năm sau, tức năm Ất Mùi (1715), chúa Nguyễn Phúc Chu sai Trấn thủ Nguyễn Phan Long và Ký lục Phạm Khánh Đức xây dựng Văn miếu Trấn Biên *tại thôn Tân Lại, tổng Phước Dinh, huyện Phước Chánh* (nay thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa). Trước năm 1802, hằng năm, đích thân chúa Nguyễn Phúc Ánh đến Văn miếu Trấn Biên để hành lễ hai lần vào mùa xuân và mùa thu. Nhưng từ khi chúa Nguyễn lên ngôi ở Huế, thì quan tổng trấn thành Gia Định, thay mặt vua, cùng với trấn quan Biên Hòa và quan đốc học đến hành lễ...

Văn miếu Trấn Biên có hai lần được trùng tu lớn: Lần trùng tu thứ nhất vào năm Giáp Dần (1794). Khi ấy, chúa Nguyễn Phúc Ánh sai Lễ bộ Nguyễn Hồng Đô lo việc trùng tu. Lần trùng tu thứ hai vào năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý, 1852). Sau khi hoàn thành văn miếu có qui mô lớn hơn trước. Với hai lần trùng tu ấy Văn Miếu Trấn Biên đã được danh nhân Trịnh Hoài

Đức ghi chép trong sử sách Gia Định Thành Thông Chí với một thế đất đẹp: "Phía Nam hướng đến sông Phước, Phía Bắc dựa vào núi rừng núi sông thanh tú là một cảnh tuyệt đẹp nhất ở Văn Miếu Trấn Biên.."

Vào năm 1861, khi thực dân Pháp xâm lược miền Đông Nam kì đánh chiếm Biên Hòa cho tàn phá văn miếu Trấn Biên nhằm thực hiện chính sách ngu dân và thống trị lâu dài. Với ý chí kiên cường bất khuất nhân dân ta đã nổi dậy giành chính quyền.Vào ngày 9/12/1998 , Đảng Ủy và nhân dân tỉnhĐồng Nai đã khởi công xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên tại phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; cách trung tâm thành phố khoảng 3 km,và gần Trung tâm Văn hóa Du lịch Bửu Long trong phạm vi khoảng 2 ha, với số tiền đầu tư gần 20 tỷ đồng.Công trìnhđược khánh thành vào ngày mùng 3 Tết Nhâm Ngọ (nhằm ngày 14 tháng 2 năm 2002) với tổng diện tích gần 15 ha, trong đó khu trung tâm rộng khoảng 2 ha.

2. Cảnh quan của Văn Miếu Trấn Biên:

Văn Miếu Trấn Biên ra đời được xem như là "Văn Miếu Quốc Tử Giám" của Nam Bộ.

Nổi bật giữa vùng không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, là những vòm mái cong, lợp ngói lưu ly màu xanh ngọc (gốm tráng men). Từ Văn miếu môn lần lượt là nhà Bia, Khuê Văn Các, hồ Thiên Quang Tỉnh, cổng Đại Thành, nhà thờ Đức Khổng Tử và sau cùng là nhà thờ chính rộng lớn.

Văn Miếu Môn (Cổng Văn miếu): Với kết cấu lầu gác, đây là lối đi chính dẫn vào khu thờ tự bên trong.

Nhà Bia: Bài văn bia do giáo sư - anh hùng lao động Vũ Khiêu biên soạn, gồm 8 phần, mỗi phần gồm 10 câu, được khắc trên hai mặt bia đá. Khái quát truyền thống văn hóa, giáo dục của dân tộc và của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, thể hiện khát vọng của nhân dân Đồng Nai trong kỷ nguyên mới.

Khuê Văn Các: gác vẻ đẹp ngôi sao Khuê ngôi sao chủ đạo trong bầu

trời văn học.

Thiên Quang Tỉnh (Giếng ánh sáng mặt trời) được xây dựng theo kết cấu hình vuông.

Đại Thành Môn: Lớp cổng của sự thành đạt lớn lao. Các nho sĩ ngày xưa khi đi thi đạt được trình độ học vấn uyên thâm thì sẽ được bước qua lớp cổng Đại Thành này vào khu thờ tự bên trong.

Nhà thờ Đức Khổng Tử: Khổng Tử là người khai sáng ra Nho giáo và Nho học. Ngày nay, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên cũng đưa vào thờ Khổng Tử ở vị trí trang trọng từ ngoài vào nhằm thể hiện hơn nữa tinh thần tôn sư trọng đạo, tôn trọng tri thức.

Bái Đường (Nhà thờ chính): xây dựng kiểu nhà ba gian hai chái, theo kiến trúc cổ, sơn son thếp vàng, nền lát gạch, trên các cột nhà treo đôi liễn đối.

Gian trung tâm thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 – 1969): anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Sau lưng tượng thờ Chủ tịch là hình ảnh Trống đồng Ngọc Lũ biểu tượng cho nền văn hóa Việt Nam và Quốc Tổ Hùng Vương.

Gian bên trái nhà là nơi thờ các danh nhân văn hóa Việt Nam như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Bỉnh Khiêm,Lê Quí Đôn..Gian bên phải thờ danh nhân đất Nam Bộ như Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiểu.

Trong gian thờ này, đặc biệt có trưng bày 18 kg đất và 18 lít nước mang về từ đền Hùng, biểu trưng cho 18 đời vua Hùng, cội nguồn của dân tộc Việt.

Phía trước hai bên nhà thờ chính: Là Nhà văn Vật Khố (nơi trưng bày 4 làng nghề truyền thống của Biên Hòa – Đồng Nai: nghề đồng, nghề mộc, nghề đá, nghề gốm. Đăng đối hài hòa với Nhà Văn vật khố là Nhà Thư khố - nơi trưng bày các thư tịch cổ, các tài liệu, sách báo ... viết về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay.

Ngoài ra, nơi Văn miếu Trấn Biên còn có khu sinh hoạt truyền thống gồm có nhà truyền thống không những là nơi tổ chức các buổi họp mặt, tọa đàm giới thiệu và tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai và các hoạt động sinh hoạt văn hóa khác mà còn là nơi trưng bày triển lãm tranh ảnh, tư liệu về Văn Miếu Trấn Biên.

(Nhà bia Văn Miếu)

II. VĂN MIẾU TRẤN BIÊN-HÀO KHÍ NAM BỘ

Nếu như đất phương Bắc tự hào với 3 địa danh văn miếu nổi tiếng ngự tại 3 vùng:

Văn miếu Quốc Tử Giám - Hà Nội, cổ xưa được xây dựng vào tháng 10/1070 thờ đức Khổng Tử, các bậc Tiên thánh, Tiên sư của Nho học. Nơi đây còn ghi dấu Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An - người thầy tiêu biểu về đạo cao, đức trọng của nền giáo dục Việt Nam.

Văn miếu Mao Điền - Hải Dương (Mao: cỏ lau, Điền: ruộng cấy, có thể hiểu: Mao Điền là một vùng đất bằng phẳng có nhiều cỏ lau). Văn miếu được xây dựng từ thời Lê Sơ (Thế kỉ XV) tại làng Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Văn miếu thờ đức Khổng tử, các bậc đại nho theo truyền thống của Việt Nam, Trung quốc và một số nước Đông Á khác.

Văn miếu Bắc Ninh, nơi lưu giữ đầy đủ, rõ nét nhất về lịch sử khoa bảng vẻ vang của quê hương xứ Kinh Bắc. Văn miếu Bắc Ninh được xây dựng từ thời Lê Sơ ở núi Châu Sơn, huyện Thị Cầu. Sau nhiều lần sửa chữa, tu bổ, năm 1884 văn miếu được xây dựng lại, năm 1893 được chuyển về Đại Phúc, Bắc Ninh.

Người phương Nam cũng kiêu hãnh, tự hào với Văn miếu Trấn Biên biểu trưng cho truyền thống học tập, hào khí văn hóa của người Việt đất Nam. Văn miếu Trấn Biên là sự nối tiếp truyền thống của văn miếu Quốc Tử Giám ở Thăng Long, là biểu tượng cho tinh thần hiếu học, trọng người tài.

Trong Văn Miếu Trấn Biên còn có các bàn thờ đức Khổng Tử, bàn thờ Quốc Tổ và Lịch Đại Đế Vương. Gian bên trái thờ các danh nhân Chu Văn An, Nguyễn Trãi và Lê Quý Đôn. Gian bên phải thờ Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật và ba vị được tôn xưng là "Gia Định tam kiệt": Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định.

Vào mồng 3 tết âm lịch hàng năm sinh viên các trường đại học, cao đẳng trong khu vực lại hội tụ về Văn miếu Trấn Biên dâng hương, dâng hoa bày tỏ lòng tri ân đến các bậc hiền nhân, giao lưu và dâng hoa bày tỏ lòng biết ơn đến các thầy cô giáo…

III. VĂN MIẾU TRẤN BIÊN-NỐI MẠCH NGUỒN VĂN HÓA

Do biến thiên của lịch sử, tính chất, vai trò của Văn miếu ở Hà Nội bị tác động với vị thế khác nhau. Thời nhà Lý, Trần, Lê, Văn miếu ở Hà Nội được gọi là Văn miếu Kinh sư. Từ đầu triều Nguyễn, Văn miếu ở Hà Nội được gọi là Văn miếu Bắc Thành. Âu đó cũng là một trong những cái lẽ thường tình của các vương triều phong kiến Việt Nam. Nhưng tựu chung, sự hình thành các Văn miếu là biểu thị của tư tưởng chủ đạo trong việc tôn vinh truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo. Văn miếu Quốc tử giám ở Hà Nội với lịch sử lâu đời và quy mô của chính nó đã khẳng định nơi đầu tiên phát xuất cho mạch nguồn của vùng đất không chỉ có địa thế "rồng bay, hổ cuộn" mà còn là nơi đào tạo nhân tài để bồi đắp "nguyên khí quốc gia" được nhận thức rõ từ triều đại phong kiến nhà Lý.

Lịch sử tạo dựng vương triều Nguyễn của xứ Đàng Trong chắc chắn xuất phát từ nhiều nguyên do lịch sử và công lao đầu tiên phải kể đến sự táo bạo với tầm nhìn chiến lược của Chúa Tiên Nguyễn Hoàng. Các đời chúa Nguyễn đã tiếp nối tạo dựng nên một Đàng Trong vững mạnh. Tất nhiên, thời kỳ đầu từng bước "tách biệt" với Đàng Ngoài, các chúa Nguyễn tập trung chủ yếu nguồn nhân lực cho các cuộc chiến "Trịnh – Nguyễn phân tranh". Sau này, trên công cuộc Nam tiến, buổi đầu xây dựng ở vùng đất phương Nam mà Trấn Biên xưa – Đồng Nai nay là địa đầu Nam Bộ, các chúa Nguyễn dựa trên cơ sở của Nho học để tạo nguồn "nguyên khí quốc gia". Đánh giá về giáo dục thời nhà Nguyễn, có tác giả cho rằng: "*Giáo dục và khoa cử dưới thời các chúa Nguyễn, về cơ bản, không khác gì so với các triều đại phong kiến trước đó. Ở một số mặt, lại không bài bản và quy cũ như Đàng Ngoài*". Thế nhưng, với việc cho xây dựng Văn miếu Trấn Biên năm 1715, dầu nhìn từ nhiều góc độ để phân tích, thì chúa Nguyễn Phúc Chu cũng đã góp phần lớn trong việc nối tiếp mạch nguồn văn hoá, truyền thống trọng học của dân

tộc Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ. 146 năm tồn tại kể từ khi xây dựng, Văn miếu Trấn Biên với những định kỳ lễ trọng hằng năm vẫn duy trì đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt của người Trấn Biên – Đồng Nai trong truyền thống văn hoá dân tộc. Năm 1861, Văn miếu Trấn Biên bị phá huỷ trong cảnh Nam Bộ: "*Bến Nghé của tiền tan bọt nước. Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây*" khi thực dân Pháp xâm lược.

Năm 1998, kỷ niệm 300 năm thành lập và phát triển vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai (1698 - 1998), tỉnh Đồng Nai xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên. Mục đích tái tạo Văn miếu Trấn Biên là tôn vinh các vĩ nhân, danh nhân văn hoá tiêu biểu dưới hình thức tín ngưỡng dân gian truyền thống, tạo nên một thiết chế sinh hoạt phản ánh các giá trị văn hoá, giáo dục của vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai. Hiện nay, tại Văn miếu Trấn Biên có Nhà bia Khổng Tử trước Khu Nhà thờ chính (Bái đường). Đặc biệt, trong khu nhà thờ chính, gian trung tâm thờ*Chủ tịch Hồ Chí Minh* (1890 - 1969) - anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới. Phía sau là biểu tượng của mặt trống đồng Ngọc Lũ. Gian bên tả Bái đường thờ danh nhân văn hoá tiêu biểu của ViệtNam gồm: *Chu Văn An (1292 - 1370), Nguyễn Trãi (1380 - 1442), Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 - 1585), Lê Quý Đôn (1724 - 1784), Nguyễn Du (1765 - 1820).* Gian bên hữu Bái đường thờ những danh nhân văn hoá gắn liền với vùng đất Biên Hoà – Đồng Nai và Nam Bộ xưa gồm: *Võ Trường Toản, (? - 1792), Đặng Đức Thuật , Gia định tam gia có: Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825), Lê Quang Định (1759 - 1813), Ngô Nhơn Tịnh (?- 1813), Nguyễn Đình Chiểu (1822 -1888), Bùi Hữu Nghĩa (1807 - 1872).* Đối tượng thờ tự ở Văn miếu Trấn Biên có khác so với những Văn miếu xây dựng trước đây. Những danh nhân văn hoá của các vùng miền tiêu biểu trong diễn trình lịch sử ViệtNam được thờ trong Văn miếu Trấn Biên. Mặc dù còn nhiều ý kiến trong việc bố trí đối tượng thờ trong Văn miếu Trấn Biên nhưng nhìn ở góc độ hiện tại, sự "cách tân" về các đối tượng được phối thờ hiện nay thể hiện một sự tiếp nối mạch nguồn xuyên suốt lịch sử văn hoá của dân tộc. Bên cạnh các đối tượng thờ này, trong Nhà Bái đường còn có những hiện vật thể hiện những giá trị có tính chất nối tiếp mạch nguồn của dân tộc kể từ khi Văn miếu Trấn Biên được tái tạo: Đó là tủ thờ *18 ký đất và 18 ký nước lấy từ Đền Hùng*, *Văn bia Tiến sĩ khoa thi 1442* (phục chế) và *Trống hội Thăng Long*.

*

Trấn Biên xưa là vùng đất địa đầu đón nhận những cư dân từ các nơi đến khai khẩn ở Nam Bộ. Biên Hoà - Đồng Nai nay tiếp tục là vùng đất mở thu hút nguồn nhân lực trong sự nghiệp đẩy mạnh phát triển công nghiệp hoá – hiện đại

hoá. Một chặng đường lịch sử với sự đóng góp của nhiều thế hệ con dân khắp mọi miền đất nước. Văn miếu Trấn Biên kể từ khi được tái tạo cho đến nay không chỉ là biểu tượng của tinh thần hiếu học mà còn là mạch nguồn nối liền quá khứ với hiện tại. Văn miếu Trấn Biên trở thành điểm sinh hoạt văn hoá – giáo dục với nhiều hoạt động về nguồn, tưởng nhớ tổ tiên, tôn vinh, biểu dương những tài năng, những nhà văn hoá giáo dục, khoa học có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Biên Hòa – Đồng Nai, góp phần trong công cuộc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoa dân tộc trong xu thế, vận hội phát triển mới. Mạch nguồn ấy được thể hiện trong văn bia với niềm tự hào và khát khao cháy bỏng: *"Xây cao Văn miếu tiếp thu thành tựu Bắc Nam, Mở rộng học đường khai thác tinh hoa dân tộc kim cổ, Tinh thần Đại Việt toả sáng nơi đây, Hào khí Đồng Nai dâng cao từ đó"* để *"Tổ Hùng Vương cơ nghiệp trường tồn…Hào khí Đồng Nai đời đời rực rỡ"*.

Trong lịch sử Việt Nam, kể từ khi triều Lý xây dựng Văn miếu – Quốc tử giám tại Hà Nội trở về sau, các triều đại phong kiến đã cho dựng xây nhiều văn miếu ở các địa phương khác trên toàn quốc. Với việc xây dựng Văn miếu Trấn Biên trên vùng đất Trấn Biên xưa (Nam Bộ) từ rất sớm trong công cuộc mở mang vùng đất phương Nam của Tổ quốc đã phản ánh sức sống của những giá trị truyền thống của lịch sử dân tộc xuyên suốt trong diễn trình lịch sử dân tộc. Đây là một trong những mạch nguồn văn hoá, đề cao giá trị, tinh thần trọng học, bồi đức dưỡng tài để tạo nguồn nhân lực trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của dân tộc Việt Nam.

(Mạch nguồn văn hóa đất phương Nam)

❖ Đến Văn miếu Trấn Biên vào những chiều hè bạn sẽ được chiêm ngưỡng nhiều cánh diều đủ màu sắc bay trên bầu trời như đang chắp cánh ước mơ hiếu học và kết thành bức tranh mây trời hữu tình.

(chiều văn miếu Trấn Biên)

Chiều Văn Miếu Trấn Biên
Mây trời bay thong thả
Núi lam tím thật hiền
Quanh cây cao bóng cả.

Chiều Văn Miếu Trấn Biên
Nắng xôn xao hắt bóng
Dáng tiền nhân hiển hiện
Bước chầm chậm thong dong.

Chiều Văn Miếu Trấn Biên
Chim ríu rít tìm về
Nơi này chốn đất thiêng
Chim bình yên xây tổ.

Chiều Văn Miếu Trấn Biên
Nghe rì rào trong gió
Thâm trầm câu kinh điển
Sâu sắc ý tứ thư.

Chiều Văn Miếu Trấn Biên
Hoàng hôn rơi chầm chậm
Chiếc lá rơi cũng khẽ
Đá úp mặt êm đềm.

Chiều Văn Miếu Trấn Biên
Trời xanh cao lồng lộng
Ai thả lên cánh diều
Thi pháp giữa tầng không.
(Hà Thu Thủy)

Hơn 300 năm hình thành và phát triển, những giá trị lịch sử văn hóa của Văn Miếu Trấn Biên đã trở thành một biểu tượng của tâm hồn khí phách,của vùng đất Biên Hòa-Đồng Nai.

Văn miếu Trấn Biên được Bộ Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch xếp hạng di tích lịch sử, hào khí phương Nam.

- ***Cảm nhận về di tích Văn Miếu Trấn Biên:***

Là một người sinh ra và lớn lên trên vùng đất Đồng Nai, tôi thật may mắn được một lần đặt chân vào văn miếu Trấn Biên tham quan khi trường tổ chức vào các năm trước. Một lần đi là một lần mang dấu ấn suốt cả cuộc đời. Có thể nói, văn miếu Trấn Biên là nơi mà trong cuộc đời của mỗi chúng ta đều nên đi thử một lần để chiêm ngưỡng một tác phẩm đặc sắc đậm chất lịch sử mà các bậc cha ông xưa đã ban tặng.

Nhìn toàn cảnh trên cao xuống, văn miếu Trấn Biên như một bức tranh đẹp lung linh huyền ảo hoàn toàn sống động với muôn hình vạn trạng. Đứng thả hồn mình vào thế giới xung quanh ấy, ta như lạc vào một xứ sở thần tiên. Một thế giới mà không phải ai cũng có thể đặt chân đến mà một lần đặt chân đến là một lần bàng hoàng trước vẽ đẹp kì vĩ ấy.

Nổi bật giữa vùng không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, là những vòm mái cong, lợp ngói lưu ly màu xanh ngọc

Nhà thờ chính xây dựng kiểu nhà ba gian hai chái, theo kiến trúc cổ, sơn son thếp vàng, nền lát gạch tàu, trên các cột nhà treo đôi liễn đối, như:

Nguyễn Hữu Cảnh định nghiệp Trấn Biên,
Lớp lớp anh tài giang lục tỉnh.
Võ Trường Toản mở trường Gia Định,
Đời đời sĩ khí nối tam gia.

Văn miếu Trấn Biên là một món quà của lịch sử nước nhà, đồng thời cũng là di tích của tổ tiên để lại cho thế hệ chúng ta. Tôi cảm thấy mình thật hạnh phúc vì đã một lần đến đây, đã khắc ghi lại những dấu ấn không bao giờ quên.

Điều làm tôi ấn tượng đặc biệt nữa là dòng chữ " Hiền tài là nguyên khí quốc gia". Những người hiền tài góp phần làm cho đất nước phát triển

"Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp". Quả thật, sự trường tồn của một quốc gia nằm ở chính tài năng của mỗi người trong quốc gia đó.Quang Trung – Nguyễn Huệ đã từng nói: "Dựng nước lấy việc học làm đầu. Muốn thịnh trị lấy nhân tài làm gốc".

Dân tộc Việt Nam trải qua biết bao cuộc chiến tranh ngoại xâm, nhiều người đã phải hi sinh và ngã xuống. Để có được một đất nước hòa bình và phát triển như ngày hôm nay, không chỉ nhờ sức mạnh đoàn kết, ý chí kiên cường của người dân Việt Nam, mà trong đó còn có sự đóng góp không nhỏ của những con người tài giỏi, hết lòng vì dân, vì nước.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, đất nước ta đang xảy ra tình trạng "chảy máu chất xám". Đây là hiện tượng một lực lượng lớn trí thức trẻ đang tìm kiếm cơ hội cho bản thân ở những quốc gia khác có điều kiện sống và phát triển năng lực bản thân mạnh mẽ hơn. Nhiều người sau mọt thời gian học tập và làm việc tại một số quốc gia phát triển như Anh, Pháp, Mĩ,… đã quyết định định cư lâu dài, không quay trở lại làm việc trong nước. …Điều này chứng tỏ những chính sách đãi ngộ của ta hiện vẫn còn nhiều bất cập cần được xem xét, khắc phục. Ngoài ra, do điều kiện kinh tế khá giả, nhiều bạn trẻ quen thói dựa dẫm, ỷ lại gia đình mà không có chí tiến thủ. Thay vì học tập, các bạn lại sa đà vào thói ăn chơi hưởng thụ xa hoa. Điều này không chỉ làm ảnh hưởng tới tương lai của các bạn mà còn tác động xấu tới sự phát triển của đất nước.

Trải qua 300 năm, vận nước những lúc thăng trầm, nhưng Văn miếu Trấn biên luôn ấm nồng hương khói, nhiều lần tu bổ, định kỳ tế lễ hàng năm, lòng người ngưỡng vọng.

Việc phục dựng Văn miếu Trấn Biên đã thể hiện tấm lòng, quyết tâm lớn và bản lĩnh sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai. Cơ sở tư tưởng để xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên là truyền thống giữ gìn và biết phát huy bản sắc dân tộc; tư tưởng của Hồ Chí Minh và đường lối văn hóa của Đảng ta về việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm nền tảng tinh thần, làm mục tiêu, đồng thời là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Văn miếu là nơi bảo tồn, gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa giáo dục xưa và nay của dân tộc và của địa phương; đồng thời là một thiết chế văn hóa, du lịch gắn với khu danh thắng Bửu Long đã được công nhận là di tích quốc gia.

Văn miếu Trấn Biên đã trở thành một địa chỉ văn hóa đặc sắc với nhiều hoạt động phong phú, đồng thuận giữa ý Đảng với lòng dân. Do vậy, ngoài việc thờ phụng các danh nhân văn hóa – giáo dục xưa và nay, còn là nơi tổ chức lễ báo công, tuyên dương tài năng trên các lĩnh vực. Ngoài ra, Văn miếu cũng là nơi đón nhiều đoàn khách trong và ngoài tỉnh cũng như các đoàn khách quốc tế khi đến thăm Đồng Nai.

Không những thế, văn miếu Trấn Biên còn là niềm tin, là động lực thúc đẩy tôi học tập "Hiền tài là nguyên khí quốc gia", mặt khác, nơi đây còn là nơi bùng cháy lên khát vọng yêu nước, yêu quê hương.

Hiện tại Văn miếu Trấn Biên không chỉ có giá trị riêng đối với vùng đất Đồng Nai mà nó còn mang ý nghĩa văn hiến của cả khu vực Nam Bộ. Nó đã đem lại cho ta hào khí Nam Bộ, sức mạnh của đất nước, khuyến khích ta không ngừng học hỏi ra sức thi đua. Và rồi ta đặt ra câu hỏi "mình đã làm gì cho tổ quốc hay chưa"?

Văn miếu Trấn Biên còn là một điểm tham quan du lịch mang đầy ý nghĩa đối với đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới học sinh, sinh viên. từ khi khánh thành đến nay, Văn miếu Trấn Biên là nơi thường xuyên diễn ra các lễ viếng các

bậc tiền nhân, tổ chức tuyên dương, khen thưởng, báo công những thành tích đặc biệt trên các lĩnh vực mà Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đạt được, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa – giáo dục. Ngoài ra, văn miếu cũng là nơi đón nhiều đoàn khách trong và ngoài tỉnh cũng như các đoàn khách quốc tế khi đến thăm Đồng Nai.

Đường dài tương lai quê hương đang gọi mời.
Tuổi trẻ hôm nay chung tay xây ngày mới.
Dù lên rừng hay xuống biển.
Vượt bão giông vượt gian khổ.
Tuổi trẻ kề vai vững vàng chân bước bạn ơi.

Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta,
mà cần hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay.
Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta,
mà cần hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay.

(Khát vọng tuổi trẻ-sáng tác: Vũ Hoàng)

Tổ Quốc đã ban cho ta từ cái ăn, cái mặc, từ Văn miếu Trấn Biên đến một Đất nước, quê hương, đã đến lúc chúng ta phải hành động. Hãy cùng nhau làm cho đất nước ngày càng phát triển, ngày càng vững mạnh....làm sáng ngời Văn Miếu Trấn Biên-Hào Khí Phương Nam.

- ***Những việc cần làm trong việc bảo vệ cảnh quan di tích và giới thiệu di tích đến mọi người:***

Những di tích lịch sữ không chỉ được xem là tài sản có giá trị giáo dục truyền thống, giá trị đạo đức cho thế hệ trẻ mà chúng còn là một giá trị to lớn trong việc phát triển đất nước, phát triển xã hội, đậm đà bản sắc dân tộc của đất nước. Những di tích ấy cần được huy động sự đóng góp của mọi người trong việc giữ gìn và bảo tồn. Nhà nước ta từ trung ương đến địa phương cũng đã ban hành các luật để bảo quản các di tích.

Để duy trì sự phát triển của các di tích, trước hết, các di tích ấy phải được bảo tồn như nó vốn có, cần bảo vệ những "lòng tự hào dân tộc" ấy.

- **Để bảo vệ cảnh quan di tích , ta cần phải:**
  - ✓ Nâng cao nhận thức về ý nghĩa của các di tích, điều đó giúp ta tăng thêm vốn hiểu biết về lịch sử, bồi đắp thêm lòng yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc.
  - ✓ Giữ gìn sạch sẽ các khu di tích, có ý thức trong việc vệ sinh sạch sẽ khu di tích, giữ cho chúng có một môi trường xanh-sạch-đẹp
  - ✓ Đi tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa
  - ✓ Không được xâm phạm đến các di tích
  - ✓ Tố cáo kẽ gian ăn cướp cổ vật di vật khi phát hiện
  - ✓ Tham gia các lễ hội truyền thống
  - ✓ Nhắc nhỡ mọi người giữ gìn, bảo vệ di sản văn hóa.....
    .....v..v..v
- **Để giới thiệu di tích đến mọi người, ta cần:**
  - ✓ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đến mọi người
  - ✓ Ra nhiều trò chơi, nhiều phong trào đố vui có liên quan đến các di tích
  - ✓ Tuyên truyền sâu rộng Luật di sản văn hóa, bảo vê các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn nơi có di tích....
    .....v..v..v

➢ Đây là một vấn đề không của riêng một cá nhân hay tỗ chức nào đó,... mà là một vấn đề của tất cả mọi người. Các di sản ấy sẽ còn tốt đẹp hơn nữa nếu như ai cũng có ý thức trong việc bảo vệ chúng. Thế hệ trẻ chúng ta phải có trách nhiệm trong việc giữ gìn bản sắc dân tộc, để Việt Nam mãi đậm đà, mãi tinh túy và góp một phần gì đó cho quê hương-một quê hương oai hùng sáng ngời trong mỗi trái tim-mỗi con người Việt Nam

.....**HẾT**.....

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn đến ban tổ chức hội thi "TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA-LỊCH SỬ ĐỒNG NAI" đã phát động hội thi để chúng em tiếp thêm nhiều kiến thức lịch sữ nơi mình sinh sống.

Thông qua hội thi này, tôi đã biết thêm nhiều thông tin hơn về nhân vật đã thiết lập nền hành chính cũng như hiểu về địa giới hành chính trên vùng đất Biên Hòa-Đồng Nai, bên cạnh đó tôi cảm thấy hứng thú với Văn Miếu Trấn Biên để thôi thúc tôi cần cố gắng hơn nữa trong việc nâng cao và giữ gìn bản sắc dân tộc.

Qua đó, tôi càng thêm yêu mãnh đất Đồng Nai hơn nữa và càng khâm phục các bậc cha ông chiến đấu vì quê hương đất nước.

Xin cảm ơn đến các trang web , những người bạn đã hỗ trợ tôi trong lúc làm bài để tôi có thể hoàn thành bài thi này.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Trang website Wekipedia-Bách khoa toàn thư
2. Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành va phát triển
3. Thuviendongnai.gov.vn
4. Thuvienlichsu.com
5. Baodongnai.com
6. Infonet.vn